

TẬP ĐOÀN CN THAN-KS VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 301/TB-TVD

Uông Bí, ngày 22 tháng 03 năm 2022

THÔNG BÁO

Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin trân trọng
kính mời Quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 như sau:

- 1. Thành phần tham dự Đại hội:** Các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
- 2. Thời gian :** 7h 30' ngày 22 tháng 04 năm 2022;
- 3. Địa điểm :** Tại Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin, số 969 đường Bạch Đằng, phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.

(Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 được chốt vào ngày 14 tháng 03 năm 2022).

4. Nội dung Đại hội:

- 4.1. Báo cáo của Giám đốc về kết quả SX-KD năm 2021; Kế hoạch và biện pháp quản lý điều hành SX-KD năm 2022;
- 4.2. Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2021, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2022;
- 4.3. Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành năm 2021 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Ban Kiểm soát Công ty;
- 4.4. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- 4.5. Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021;
- 4.6. Báo cáo chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022;
- 4.7. Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2022;
- 4.8. Đề xuất Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty;
- 4.9. Thông qua phương án huy động vốn để phục vụ kế hoạch SXKD năm 2022;
- 4.10. Dự kiến bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập.
- 4.11. Bàn và quyết định một số vấn đề khác trong khuôn khổ Điều lệ Công ty.

5. Đăng ký tham dự Đại hội:

- Cổ đông nhận được thông báo này, đề nghị gửi giấy xác nhận tham dự hoặc gửi giấy xác nhận không tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 về Công ty trước 16h ngày 19 tháng 04 năm 2022 (theo mẫu được đăng tải trên website của Công ty).

+ Cổ đông đăng ký có thể bằng fax hoặc điện thoại, nhưng khi đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo Thẻ căn cước công dân/CMND/hộ chiếu, giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền dự họp).

Ngoài chương trình nêu trên, các cổ đông có thể tải mẫu giấy xác nhận hoặc mẫu giấy ủy quyền tham dự Đại hội và tham khảo tài liệu trên địa chỉ website của Công ty (<http://vangdanhcoal.com.vn>). Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Khuyến nghị: Với trách nhiệm chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19, TVĐ kính đề nghị Quý cổ đông xem xét ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Công ty hoặc thành viên HĐQT Công ty. Trường hợp tham dự Đại hội Cổ đông, Quý cổ đông vui lòng sử dụng khẩu trang trong suốt thời gian đại hội.

Trân trọng kính báo !

(Thông báo này thay cho giấy mời)

Ghi chú :

- Số điện thoại: 0203 3573 385 ; DD: 090 444 0578;
- Số fax : 0203 3853 120.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ^{OK}
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương

Ghi chú:

- Cổ đông tự chi trả các chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí cá nhân khác khi đến dự Đại hội.
- Cổ đông đến tham dự Đại hội phải đeo khẩu trang và trang bị bảo hộ theo quy định của Bộ y tế, y tế địa phương để phòng chống dịch Covid -19; chấp hành việc kiểm tra, khai báo y tế theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày tháng năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Tên cổ đông (hoặc đại diện tổ chức):

Địa chỉ:

Số CMND (hoặc hộ chiếu) Ngày cấp Nơi cấp:

(Hoặc) Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
do cấp ngày tháng năm

Điện thoại: Fax Email.....

Mã số cổ đông:

Sở hữu: cổ phần phổ thông

Tôi/ Chúng tôi đã nhận được thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin, nay xác nhận sẽ tham dự Đại hội theo hình thức sau đây:

- **TRỰC TIẾP THAM DỰ ĐẠI HỘI** ☐
- **UỶ QUYỀN CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI** ☐

(Có giấy uỷ quyền kèm theo)

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông biết và tổng hợp./.

Chữ ký của cổ đông

*** Ghi chú:**

- Đề nghị quý vị cổ đông đánh dấu (x) vào ô tương ứng
- Nếu uỷ quyền cho người khác dự, xin vui lòng gửi kèm theo Giấy uỷ quyền cho Công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày tháng năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN

Không tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Tên cổ đông (hoặc đại diện tổ chức):.....

Địa chỉ:.....

Số CCCD/CMND (hoặc hộ chiếu) Ngày cấp Nơi cấp:

.....

(Hoặc) Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

do cấp ngày tháng năm

.....

Điện thoại: Fax

Email.....

Mã số cổ đông:

Sở hữu: cổ phần phổ thông

Tôi/ Chúng tôi đã nhận được thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin, nay xác nhận KHÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI.

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông biết và tổng hợp./.

Chữ ký của cổ đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin

Tên cổ đông:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....cấp ngàytại.....

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu:cổ
phần

(Bằng chữ:cổ
phần)

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP ☐

2. ỦY QUYỀN THAM DỰ ☐

Thông tin người nhận ủy quyền:

Tên cá nhân/tổ chức:.....Mã số cổ đông (nếu
có).....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....cấp ngàytại.....

Địa chỉ:

Số cổ phần ủy quyền: CP

(Bằng chữ:)

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
01	Ông Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT		
02	Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc		
03	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT		
04	Ông Nguyễn Trọng Tốt	Thành viên HĐQT		
05	Ông Trịnh Văn An	Thành viên HĐQT		

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền và ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên).

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của bên ủy quyền cho người khác
- Nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính có chữ ký của hai bên, nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức. Giấy ủy quyền này sẽ

hết giá trị khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin kết thúc.

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Cổ đông/Bên ủy quyền

Bên nhận ủy quyền

Uông Bí, ngày tháng 3 năm 2022

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin

- Thời gian họp Đại hội dự kiến: 07h30÷ 11h30 ngày 22/4/2022
- Địa điểm: Hội trường Công ty CP Than Vàng Danh-Vinacomin.
- Địa chỉ: Số 969 đường Bạch Đằng, phường Quang Trung, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

STT	T. gian	Nội dung	Người thực hiện
1	7:30	Đón tiếp đại biểu, kiểm tra tư cách cổ đông	Ban tổ chức
2	8:00	Khai mạc: - Chào cờ - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Giới thiệu Chủ tọa Đại hội	Ban tổ chức
3		Giới thiệu và xin ý kiến biểu quyết nhân sự: - Ban thư ký đại hội gồm: ông Phùng Trung Hoài - Thư ký Công ty; - Ban kiểm phiếu: Bà Nguyễn Thị Thủy Dịu làm Trưởng Ban và các nhân viên Công ty CP Chứng khoán FPT;	Chủ tọa Đại hội
4		- Trình bày chương trình Đại hội; - Trình bày Quy chế Đại hội; - Trình bày thể lệ biểu quyết. - Trình bày Quy chế bầu cử.	Phùng Trung Hoài - Thư ký Đại hội
5		- Thông qua chương trình Đại hội; - Thông qua quy chế Đại hội; - Thông qua thể lệ biểu quyết. - Thông qua Quy chế bầu cử	Chủ tọa Đại hội
6		Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (ông Phùng Thế Anh - Trưởng Ban và nhân viên Công ty CP Chứng khoán FPT)	Ban KT tư cách cổ đông
7		Báo cáo của Ban Giám đốc về Kết quả SX-KD năm 2021; Kế hoạch và biện pháp quản lý điều hành SX-KD năm 2022	Phạm Văn Minh - TV.HĐQT, Giám đốc
8		Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2021, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2022.	Trịnh Văn An - TV.HĐQT
9		Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam	Trần Thị Thu Thảo - Kế toán trưởng
10		Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021	
11		Báo cáo chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT,	

STT	T. gian	Nội dung	Người thực hiện
		BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022	
12		Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2022	
13		Báo cáo về việc vay vốn để hoạt động năm 2022	
14		Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành năm 2021 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Ban Kiểm soát Công ty	Trần Thị Vân Anh - Trưởng ban kiểm soát
15		Đề xuất Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty	
16		Trình Đại hội miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và ứng cử, đề cử ứng viên để bầu 01 thành viên độc lập HĐQT.	Nguyễn Văn Dũng - TV. HĐQT
17		Đại hội thảo luận, biểu quyết từng nội dung	Chủ tọa Đại hội
18		Nghỉ giải lao (30 phút)	
19		Công bố kết quả kiểm phiếu và kết quả bầu thành viên HĐQT độc lập	
20		Trình bày Nghị quyết Đại hội	Phùng Trung Hoài - Thư ký ĐH
21		Thông qua Nghị quyết Đại hội	Chủ tọa Đại hội
22	11:30	Bế mạc Đại hội	

Số: 01 /BC- ĐHCĐ

Uông Bí, ngày 22 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, nhiệm vụ giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

Phần I
KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2021

1. Tình hình chung

Năm 2021, dịch COVID -19 với biến chủng Delta nguy hiểm, có tốc độ lây lan nhanh, nhiều đợt bùng phát đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế, xã hội và đời sống của người dân, trong đó có địa bàn tỉnh Quảng Ninh; tác động lớn đến SXKD của Tập đoàn TKV như: khó khăn trong tuyển dụng lao động, gián đoạn cung ứng thiết bị, nguyên vật liệu nhập khẩu, chi phí vận tải tăng cao, khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. Do có sự quan tâm chỉ đạo của tỉnh Quảng Ninh, với các giải pháp phòng dịch Covid-19 hết sức hiệu quả, kịp thời, linh hoạt, sát thực tiễn nên sản xuất kinh doanh của các đơn vị có bước tăng trưởng.

Đối với công ty, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid -19, ngay từ đầu năm Công ty đã chủ động bám sát điều hành của Tập đoàn TKV "vừa sản xuất, vừa chống dịch Covid-19", xây dựng và ban hành các giải pháp chỉ đạo phù hợp với điều kiện sản xuất để tăng sản lượng khai thác than hầm lò bằng công nghệ hiện có, CBNV có nhiều cố gắng vượt bậc, đã thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo về phòng chống dịch Covid -19, do đó năm 2021 đã đảm bảo việc làm, thu nhập và sức khỏe cho cán bộ nhân viên lao động. Các chỉ tiêu SXKD đều đạt và vượt kế hoạch mà ĐHCĐ năm 2021 giao cho.

2. Kết quả SXKD của Công ty năm 2021 (có biểu chi tiết kèm theo)

- Than nguyên khai tổng số: 3.882/3.820 nghìn tấn, bằng 101,6% so với kế hoạch, bằng 111 % so với năm 2020; trong đó:

+ Than hầm lò sản xuất: 3.073/2.900 nghìn tấn, bằng 105,9% so với kế hoạch, bằng 105,1% so với năm 2020;

+ Than lộ vỉa: 230/150 nghìn tấn, bằng 153,3% so với kế hoạch, bằng 219% so với năm 2020;

+ Than lò bằng: 6/200 nghìn tấn, bằng 2,9% so với kế hoạch, bằng 2,4 % so với năm 2020⁽¹⁾;

+ Than mua của Công ty than Ưông Bí: 574/570 nghìn tấn, bằng 100,6% so với kế hoạch, bằng 272% so với năm 2020.

- Tiêu thụ than: 3.392/3.353 nghìn tấn, bằng 101,2% so với kế hoạch , bằng 119,3% so với năm 2020.

*** Ghi chú:**

(1) Năm 2021 do Giấy phép khai thác than lò bằng hết hạn, Công ty phải làm các thủ tục xin gia hạn giấy phép với Bộ Tài nguyên Môi trường đến cuối năm mới được cấp phép. Do đó Công ty phải dừng thực hiện khai thác.

- Mét lò đào mới: 35.129/33.180 m, bằng 105,9% so với kế hoạch, bằng 103,3% so với năm 2020;

- Than sạch sản xuất: 3.383/3.353 nghìn tấn, bằng 100,9% so với kế hoạch, bằng 110,7% so với năm 2020;

- Bóc đất đá lộ vỉa: 234/160 nghìn m³, bằng 146% so với kế hoạch, bằng 32,8% so với năm 2020.

- Doanh thu tổng số: 5.339.563/ 5.040.977 triệu đồng, bằng 105,9% so với kế hoạch, bằng 118,9% so với năm 2020.

- Tiền lương và thu nhập:

+ Thu nhập lương bình quân: 16.990.000/15.373.000 đồng/người-tháng, bằng 110,5% so với kế hoạch, bằng 103,6% so với năm 2020.

+ Lao động sử dụng bình quân trong năm: 5.545 người/KH 5.723 người, bằng 96,9 % kế hoạch năm 2020;

- Công tác đầu tư: Giá trị thực hiện ĐTXD: 285,8/316,7 tỷ đồng bằng 90,25% kế hoạch, bằng 83,5% so với năm 2020.

2.10 - Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước: Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, tổng số tiền nộp ngân sách năm 2021 là 1.029,8 tỷ đồng, bằng 108,19% so với kế hoạch, bằng 105,8% so với năm 2020.

2.11- Hiệu quả sản xuất kinh doanh: Công ty đã tiến hành thuê kiểm toán độc lập thực hiện chế độ kiểm toán theo quy định. Lợi nhuận trước thuế: 127,6 tỷ đồng, bằng 227,2 % so với kế hoạch, bằng 171,2 % so với năm 2020.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Hệ số nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn: 77,6% , năm 2020 là 80, 68%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản: 4,31%, năm 2020 là 2,54%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH: 19,05%; năm 2020 là 12,76%;

2.12. Một số công việc khác.

- Về tổ chức điều hành: Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua; đề ra cơ chế điều hành và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, chủ động cân đối sản xuất-tiêu thụ phù hợp, tăng cường sản xuất các chủng loại than thị trường có nhu cầu cao; Tập trung điều hành sản xuất theo nhu cầu tiêu thụ.

- Về công tác tổ chức sản xuất: Trên cơ sở đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm thông qua, Công ty cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu. Tuy nhiên để hiệu quả trong Công tác sản xuất, Công ty tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu tái cơ cấu 2017-2020 trong giai đoạn 2021 -2025.

- Về quản trị doanh nghiệp: Thực hiện nhiều giải pháp quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; quản trị chi phí, quản lý vật tư, lao động tiền lương, kế toán thống kê, quản lý dòng tiền; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy chế liên quan đến quản lý của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và quy định của Tập đoàn, của Nhà nước.

- Về quản lý tài nguyên, ranh giới mỏ: Công ty đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp quản lý, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên than, không để thất thoát. Trong năm không để xảy ra khai thác than trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ Công ty được giao quản lý.

- Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch do Chính phủ, Bộ Y tế, tỉnh Quảng Ninh và Tập đoàn ban hành; kết quả trong năm 2021 Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ kép “Hoàn thành kế hoạch phối hợp kinh doanh và không để dịch bệnh lây lan, xâm nhập vào CBCNV trong Công ty”.

Phần II

KẾ HOẠCH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH SX-KD NĂM 2022

1. Tình hình chung.

Năm 2022 là năm tiếp tục bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, sự xung đột giữa Nga và Ucraina dẫn đến nhiều yếu tố khó lường; thị trường than, khoáng sản và một số nhiên liệu đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao. Tình hình thời tiết dự báo có nhiều diễn biến bất thường. Điều kiện khai thác mỏ ngày càng khó khăn do xuống sâu.... sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

2. Mục tiêu:

Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả bệnh dịch Covid-19; nâng cao năng lực sản xuất; Sản xuất than đảm bảo an toàn, tiết kiệm và hiệu quả, tiếp tục đổi mới hoàn thiện tổ chức, quản trị doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đảm bảo mục tiêu chung "**An toàn - phát triển - hiệu quả**"

3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Than nguyên khai	1000 tấn	3.870	
-	Than hầm lò	"	3.100	
-	Than lộ thiên	"	200	
-	Than mua của Công ty than Uông Bí	"	570	
2	Than sạch	1000t	3.418	
3	Mét lò mới	mét	37.926	
4	Bóc đất đá	1000 m3	255	
5	Tiêu thụ	1000 tấn	3.418	
6	Đầu tư xây dựng	tỷ.đ	272,9	
7	Doanh thu than	tỷ.đ	5.331,5	
8	Lợi nhuận	tr.đ	55,8	
9	Lao động bình quân	người	5.615	
10	Tiền lương bình quân	ngđ/ng-th	15.826	

3. Giải pháp điều hành kế hoạch 2021:

Căn cứ vào giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn; Nghị quyết của Đảng ủy TKV về phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022; Nghị quyết của Đảng ủy Than Quảng Ninh về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2022. Nghị quyết của Đảng ủy Công ty về phương hướng nhiệm vụ năm 2022; Nghị quyết của Hội đồng quản trị về kế hoạch SXKD năm 2022. Theo đó các đơn vị trong Công ty phải tổ chức triển khai chỉ đạo, điều hành, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 tập trung vào các nội dung trọng tâm cơ bản sau:

a) Về công tác phòng chống dịch Covid-19: Phát huy năng lực tự chủ, linh hoạt, thích ứng kịp thời, kiểm soát bệnh dịch hiệu quả theo phương châm "tình hình thế nào, giải pháp đó" phấn đấu thực hiện tốt giải pháp kinh doanh trong trạng thái bình thường mới.

b) Về sản xuất, tiêu thụ:

Huy động tối đa nguồn lực để gia tăng sản xuất, phấn đấu đạt sản lượng cao nhất, chủ động điều hành sản xuất, tiêu thụ theo nhu cầu thị trường.

c) Về hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị Công ty:

Tiếp tục thực hiện rà soát, xác định lại định biên lao động cho từng công đoạn sản xuất, các khâu quản lý, phục vụ để giảm lao động về sát định biên theo mô hình mẫu của TKV: (i) Hoàn thiện phần mềm ứng dụng tin học vào quản trị nhân sự, tăng năng suất lao động hiệu quả làm việc, đảm bảo chính xác trong giải quyết chế độ người lao động; (ii) Quản lý chặt chẽ lao động hiện có, tăng ngày công lao động; (iii) Có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo lao động chất lượng cao để thực hiện các chương trình cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa và đổi mới, nâng cao chất lượng nhân sự của các lĩnh vực.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, áp dụng các mô hình quản trị mới, tiên tiến vào hệ thống quản trị Công ty để nâng cao hiệu quả.

c) Về công tác đầu tư:

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư và đưa vào sử dụng các công trình: Cải tạo hệ thống lưới điện 6kV, 35kV, Tự động hóa trạm bơm trung tâm thoát nước mỏ, dự án cải tạo Nhà máy tuyển Vàng Danh 1, các dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò, đầu tư thiết bị duy trì; dự án đầu tư thiết bị khai thác bằng dàn chống mềm...

- Tập trung triển khai công tác chuẩn bị dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục trình tự đầu tư theo quy định của pháp luật, của Nhà nước và của TKV; chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt dự án, kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chính sách về XDCB, không để xảy ra sai sót, nhầm lẫn.

Nâng cao chất lượng giám sát, nghiệm thu, kiểm soát tiến độ, chất lượng thi công các công trình xây dựng đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ và hiệu quả của các dự án. Đồng thời tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các công trình đầu tư đã hoàn thành.

d) Về quản trị tài nguyên:

Đẩy mạnh tiến độ khoan thăm dò phục vụ sản xuất nhằm bổ sung tài liệu phục vụ khai thác.

Quản lý chặt chẽ tài nguyên, số lượng, chất lượng than ở tất cả các công đoạn sản xuất từ trong vỉa đến khi khai thác, sàng tuyển, bốc xếp tiêu thụ; Giảm tỷ lệ tổn thất than trong công nghệ khai thác, nâng cao tỷ lệ thu hồi than bằng các biện pháp kỹ thuật công nghệ.

e) Đẩy mạnh áp dụng công nghệ mới công nghệ khai thác than:

Đẩy mạnh việc nghiên cứu đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ khai thác và đào lò nhằm tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao mức độ an toàn, tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu lao động thủ công trong các công đoạn khai thác, đào lò và vận tải mỏ; triển khai áp dụng các công nghệ khai thác mới trong các điều kiện địa chất phức tạp (vỉa dày, dốc, vỉa mỏng,...);

f) Công tác cơ điện, vận tải và sàng tuyển

Tăng cường củng cố, sửa chữa duy tu thiết bị để duy trì hoạt động ổn định, chính xác của các hệ thống dây chuyền, thiết bị vận tải từ trong hầm lò ra ngoài mặt bằng; đặc biệt tuyển dây chuyền vận tải giếng Vàng Danh, giếng Cánh Gà; hệ thống sàng tuyển, hệ thống điện dự phòng để đáp ứng nhu cầu sản xuất;

Tiếp tục thực hiện tự động các hầm bơm và hệ thống cửa gió; cải thiện điều kiện đi lại làm việc trong hầm lò cho công nhân bằng các biện pháp; duy trì hoạt động ổn định của các dây chuyền vận tải từ trong lò ra mặt bằng, rà soát lắp đặt băng tải thay thế cho máng cào ở các đường lò duy trì lâu dài.

- Tổ chức điều hành, cân đối sàng tuyển than phù hợp giữa Nhà máy tuyển Vàng Danh I và Vàng Danh II; Sàng tuyển chế biến pha trộn ra các chủng loại than đáp ứng tối đa theo yêu cầu tiêu thụ của TKV, nguyên tắc chung là than nguyên khai sản xuất ra đến đâu phải sàng tuyển hết đến đó, hạn chế tối đa việc đổ than nguyên khai ra kho bãi, làm tăng chi phí bốc xếp, vận chuyển. Đồng thời, phải đảm bảo chất lượng và hệ số thu hồi than sạch.

g) Công tác quản trị chi phí.

Thực hiện các giải pháp đồng bộ trong việc điều hành quản trị chi phí trong tất cả các khâu, kiểm soát chi phí hàng tuần, hàng tháng, quý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời xiết chặt công tác quản trị chi phí trong tất cả các khâu SXKD; thường xuyên rà soát lại tất cả các chỉ tiêu, định mức giao khoán, điều chỉnh cơ chế khoán cho phù hợp với điều kiện thực tế.

h) Quản lý và sử dụng vốn:

Huy động và sử dụng vốn cho các dự án đầu tư theo kế hoạch, đúng mục đích, hiệu quả và an toàn tài chính;

Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và nguồn vốn tránh rủi ro về tài chính; chú trọng công tác kế toán quản trị để kịp thời cung cấp thông tin phục vụ điều hành và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp;

Quản lý tốt tài sản, nguồn vốn, điều hành linh hoạt, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn nhằm bảo toàn và phát triển vốn.

i) Lao động và tiền lương

Tiếp tục tổ chức rà soát xác định lại định biên lao động cho từng công đoạn sản xuất, các khâu quản lý, phục vụ, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, đảm bảo tỷ trọng quỹ lương giữa các khối, hệ số giãn cách giữa các chức danh ngành nghề theo đúng quy định và mô hình mẫu của TKV.

Quản lý, sử dụng có hiệu quả số lao động hiện có, thường xuyên rà soát, cân đối lao động, tổ chức sản xuất khoa học, hợp lý để tăng năng suất lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, đào tạo công nhân lành nghề và dần chuyển từ làm bạn sang làm chủ thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa; nghiên cứu chế độ chính sách mới của nhà nước để có bước đột phá trong công tác chăm lo đời sống, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đồng thời có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng dân cư trên địa bàn;

Hoàn thiện việc áp dụng KPIs để trả lương nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu giai đoạn 2022 - 2025 theo đề án.

j) Công tác thanh tra, bảo vệ:

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn và trong việc quản lý ranh giới mỏ; quản lý tốt công tác khai thác vận chuyển và kinh doanh than; chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát, bảo vệ vật tư, tài sản, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành SXKD của Công ty; giữ vững an ninh trật tự trong khu mỏ và đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

k) Về đời sống lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện việc đưa đón CBCNV từ nơi ở đến vị trí làm việc. Duy trì tốt việc chăm sóc người lao động từ ăn định lượng, tắm giặt, vui chơi, giải trí, thăm quan, nghỉ dưỡng và khám chữa bệnh.

Làm tốt công tác từ thiện giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Xây dựng các nhà tình nghĩa và tặng các phần quà cho người nghèo nhân ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn trong các hoạt động cộng đồng tạo một sự gắn kết và phát triển hài hòa.

Trên đây là toàn bộ những nội dung Báo cáo về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2022 của Công ty, xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty (CBTT);
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Phòng CV (Đăng trên Wetsite);
- Lưu VT, HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Minh

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, nhiệm vụ, giải pháp năm 2022)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐHCĐ thông qua	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)
1	Than nguyên khai	1000tấn	3.820	3.882	101,6
	- Than hầm lò	"	2.900	3.073	105,9
	- Than lộ thiên	"	150	230	153,3
	- Than lò bằng	"	200	6	2,9
	- Than mua của Cty than UB		570	574	100,6
2	Than sạch	"	3.353	3.383	100,9
3	Mét lò mới	Mét	33.180	34.174	105,9
5	Bóc đất đá	1000m ³	160	234	146
6	Than tiêu thụ	1000Tấn	3.353	3.392	101,2
7	Đầu tư xây dựng	triệu đồng	408.620	370.387	90,64
8	Doanh thu	Tr.đ	5.040.977	5.343.235	106
9	Lợi nhuận	Tr.đ	56.148	127.613	227,2

Số: 02/BC- ĐHCĐ

Uông Bí, ngày 22 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021, VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Căn cứ chức năng quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin; Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. HĐQT Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2021, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2022 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021:

Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện 22 lần tổ chức họp và ban hành 22 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Các kỳ họp Hội đồng quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện đáp ứng yêu cầu, mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. (phụ lục các cuộc họp HĐQT kèm theo).

Về nhiệm vụ giám sát của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

*** Tóm lại:** Năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022.

Trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2022, cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu như trong báo cáo của Ban Giám đốc về kế hoạch thực hiện năm 2022 đã nêu.
2. Tập trung thực hiện các dự án đầu tư xây dựng năm 2022 theo kế hoạch đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư của các công trình.
3. Tập trung đầu tư và chỉ đạo kiên quyết giữ vững an toàn trong sản xuất;
4. Tiếp tục rà soát, tinh giảm tái cơ cấu lao động hướng tới cơ cấu tổ chức sản xuất gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.
5. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm.
6. Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng năm 2022, Hội đồng quản trị xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty (CBTT);
- Ủy viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Phòng CV (Đăng trên Wetsite);
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương

Số: 03 / BC- ĐHCĐ

Uông Bí, ngày 22 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua (chi tiết xem trên website của Công ty).

Nội dung báo cáo tài như sau:

I. Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số dư đầu kỳ 01/01/2021	Số dư cuối kỳ 31/12/2021	SS 2021/ 2020	% tăng, giảm
I	Tài sản ngắn hạn :	đồng	824.506.541.525	768.051.681.938	93,15	-6,85
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	đồng	10.609.031.758	12.980.266.708	122,3 5	22,35
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	đồng	0	0		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	đồng	431.803.337.344	341.315.376.024	79,04	-20,96
4	Hàng tồn kho	đồng	355.217.272.260	393.438.163.828	110,7 6	10,76
5	Tài sản ngắn hạn khác	đồng	26.876.900.163	20.317.875.378	75,60	-24,40
II	Tài sản dài hạn	đồng	1.846.021.579.489	1.590.511.321.441	86,16	-13,84
1	Các khoản phải thu dài hạn	đồng	39.658.492.431	41.714.417.533	105,1 8	5,18
2	Tài sản cố định (gồm cả CP XDCB dở dang)	đồng	1.287.777.957.977	1.023.762.827.794	79,50	-20,50
3	Bất động sản đầu tư	đồng		0		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	đồng		0		

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số dư đầu kỳ 01/01/2021	Số dư cuối kỳ 31/12/2021	SS 2021/ 2020	% tăng, giảm
5	Tài sản dài hạn khác	đồng	518.585.129.081	525.034.076.114	101,2 4	1,24
III	Tổng cộng tài sản	đồng	2.670.528.121.014	2.358.563.003.379	88,32	-11,68
IV	Nợ phải trả	đồng	2.154.707.218.810	1.806.896.308.230	83,86	-16,14
1	Nợ ngắn hạn	đồng	1.106.534.870.971	1.073.085.883.300	96,98	-3,02
2	Nợ dài hạn	đồng	1.048.172.347.839	733.810.424.930	70,01	-29,99
V	Vốn chủ sở hữu	đồng	515.820.902.204	551.666.695.149	106,9 5	6,95
1	Vốn chủ sở hữu	đồng	515.820.902.204	551.666.695.149	106,9 5	6,95
VI	Tổng cộng nguồn vốn	đồng	2.670.528.121.014	2.358.563.003.379	88,32	-11,68

II. Kết quả hoạt động SXKD

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	SS 2021/2 020	% tăng, giảm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	4.494.198.229.077	5.339.563.379.588	118,81	18,81
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	đồng				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	4.494.198.229.077	5.339.563.379.588	118,81	18,81
4	Giá vốn hàng bán	đồng	4.114.801.550.874	4.887.312.282.598	118,77	18,77
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	379.396.678.203	452.251.096.990	119,20	19,20
6	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	1.169.083.392	1.283.866.934	109,82	9,82
7	Chi phí tài chính	đồng	103.122.585.186	82.392.190.375	79,90	-20,10
8	Chi phí bán hàng	đồng	8.122.206.911	8.340.224.812	102,68	2,68
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	193.901.530.757	231.667.186.340	119,48	19,48

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	75.419.438.741	131.135.362.397	173,87	73,87
11	Thu nhập khác	đồng	3.402.422.812	157.672.040	4,63	-95,37
12	Chi phí khác	đồng	3.000.520.389	3.679.633.029	122,63	22,63
13	Lợi nhuận khác	đồng	401.902.423	-3.521.960.989	876,32	976,32
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	75.821.341.164	127.613.401.408	168,31	68,31
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	đồng	7.394.510.227	23.697.298.991	320,47	220,47
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	đồng	2.614.767.994	2.258.246.529	86,37	-13,63
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	65.812.062.943	101.657.855.888	154,47	54,47
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP)	đồng	1.464	2.261	154,44	54,44
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (đồng/ 1 CP)	đồng	700	800	114,29	14,29

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo 2020	Kỳ báo cáo 2021	SS 2021/2020	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:					
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0,75	0,72	96,06	-3,94
	+ Hệ số thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,42	0,35	82,31	-17,69
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn					
	+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	80,68	76,61	94,95	-5,05
	+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	4,15	3,23	77,97	-22,03
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	+ Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	16,46	13,06	79,32	-20,68

	+ Vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	1,73	2,12	122,4 0	22,40
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
	+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,46	1,90	130,0 1	30,01
	+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,76	19,05	149,2 8	49,28
	+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2,54	4,31	169,6 6	69,66
	+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,68	2,46	146,3 5	46,35

IV. Chỉ tiêu khác

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
	Lương + thù lao của HĐQT, BSK và người quản lý Công ty (Có bảng chi tiết kèm theo)	đồng	4.413.600.000	4.409.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương

Số: **04** / BC- ĐHCĐ

Uông Bí, ngày 22 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức cổ tức năm 2021

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế tài chính của Công ty;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua;

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin (Số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam);

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức cổ tức năm 2021 như sau:

(1) Tổng lợi nhuận trước thuế : 127.613.401.408 đồng

(2) Lợi nhuận sau thuế : 101.657.855.888 đồng

(3) Chi trả cổ tức cho cổ đông 8%/vốn điều lệ : 35.970.291.200 đồng.

(4) Lợi nhuận sau khi chi trả cổ tức còn lại được phân phối như sau:

a) Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp (30% LNST): Không trích

b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 30.497.356.766 đồng

(Doanh nghiệp xếp loại A: Trích tối đa 03 tháng lương thực hiện)

c) Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty : 551.100.000 đồng

(Doanh nghiệp xếp loại A: Trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

Phạm Công Hương

Số: **05** / BC- ĐHCĐ

Uông Bí, ngày 22 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

**V/v kết quả chi trả thù lao cho thành viên kiêm nhiệm HĐQT; BKS Công ty năm 2021,
Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT; BKS Công ty năm 2022**

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả chi trả lương, thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2021, Kế hoạch chi trả lương, thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2022 như sau:

I. Chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2021

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua phương án chi trả thù lao các thành viên HĐQT, và Ban Kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm, HĐQT đã thực hiện đúng Nghị quyết đề ra, kết quả chi trả lương, thù lao các thành viên như sau:

1. Mức thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2021	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	5.400.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	4.600.000 đ/ tháng	
3.	Thành viên Ban kiểm soát	4.600.000 đ/tháng	

b) Lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 43.200.000 đồng/tháng

c) Lương của thành viên HĐQT chuyên trách: 41.400.000đồng/tháng (Quyết định số 1999/QĐ-HĐQT ngày 30/11/2021 của HĐQT)

Tổng số tiền chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm, lương Trưởng ban kiểm soát, thành viên HĐQT chuyên trách năm 2021 là: 951.200.000 đồng.

II. Kế hoạch chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn TKV về việc ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV và điều chỉnh mức tăng lợi nhuận theo quy định tại tiết a, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 14 của Quyết định số 2338/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của Tập đoàn TKV: Mức thù lao được tính theo công việc và thời gian làm việc, nhưng không vượt quá 20% mức lương cơ bản của người quản lý chuyên trách tương ứng với quy định tại Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019; khi TKV điều chỉnh mức lương cơ bản của người quản lý thì mức thù lao điều chỉnh tương ứng; do đó năm 2022 Công ty thực hiện trả lương, thù lao đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát theo đúng quy định này và mức cụ thể như sau:

1. Thù lao các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm:

T T	Chức Danh	Số người	Thù lao kế hoạch tháng (tr.đ/ng)	Thù lao Kế hoạch năm (Tr.đ)	Mức tạm ứng tháng 80% (Tr.đ)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	5,4	64,8	4,3	
2	Thành viên HĐQT	3	4,6	220,8	3,7	
3	Thành viên HĐQT chuyên trách					
3	Trưởng Ban Kiểm soát					
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	4,6	110,4	3,7	
	Tổng cộng	7		396,0		

2. Lương chuyên trách:

T T	Chức Danh	Số người	lương bình quân (tr.đ/ng)	Lương năm (Tr.đ)	Tạm ứng tháng 80% (Tr.đ)
1	Trưởng Ban Kiểm soát	1	36,0	432,0	28,8
2	Thành viên HĐQT	1	34,5	414,0	27,6

Hàng tháng các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được tạm ứng 80% mức lương, thù lao kế hoạch;

Thay mặt HĐQT tôi xin trình trước Đại hội.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương

Số: 06 / BC- ĐHCĐ

Uông Bí, ngày 22 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
V/v Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2022

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Năm 2022 là năm tiếp tục bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, sự xung đột giữa Nga và Ucraina dẫn đến nhiều yếu tố khó lường; thị trường than, khoáng sản và một số nhiên liệu đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao. Tình hình thời tiết dự báo có nhiều diễn biến bất thường. Điều kiện khai thác mỏ ngày càng khó khăn do xuống sâu, vào xa, Tuy nhiên, công ty đã đặt ra các giải pháp và cơ chế phù hợp để phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh Tập đoàn giao, cụ thể:

Năm 2022 Công ty sản xuất 3,870 triệu tấn than nguyên khai, tiêu thụ 3,418 triệu tấn than sạch; mức lợi nhuận dự kiến 55,8 tỷ đồng.

Căn cứ văn bản số 585/TKV- KS ngày 17/2/2022 của Tập đoàn TKV về việc báo cáo, xin ý kiến TKV trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm;

Công ty đề xuất Kế hoạch cổ tức năm 2022 là dự kiến $\geq 6\%$.

Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2022 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022.

Xin báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

Số: 07/TTr- ĐHCĐ

Uông Bí, ngày 22 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
V/v Thông qua việc huy động vốn phục vụ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế quản lý tài chính của Công ty;

Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2022 và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 của Công ty; biên bản ngày 11/1/2022 của Tập đoàn TKV về việc xác định nhu cầu vốn ngắn hạn và dự kiến các chỉ tiêu tài chính năm 2022;

Căn cứ số phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2022.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên cần thiết phải huy động vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhu cầu về vốn như sau:

1. Huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án: 197.242 tỷ đồng (chi tiết huy động vốn cho từng dự án kèm theo);
2. Huy động vốn vay trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 121,6 tỷ đồng;
3. Huy động vốn ngắn hạn (vốn lưu động) phục vụ SXKD năm 2022: Nhu cầu vốn ngắn hạn (vốn lưu động) bình quân một tháng: 250 tỷ đồng.

Kính trình đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ phương án huy động vốn, kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư xây dựng được Tập đoàn TKV duyệt hoặc kế hoạch điều chỉnh hoặc bổ sung để chủ động quyết định các phương án vay vốn phù hợp với quy định của Pháp luật.

Xin báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

BIỂU KẾ HOẠCH VAY VỐN CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo Tờ trình số 07/TTr-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022)

TT	Tên dự án	Nguồn vốn (Triệu đồng)			
		Vốn vay	Vốn CSH	Cộng	Ghi chú
	KẾ HOẠCH 2022				
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP	80 585	11 016	91 602	
I	Dự án nhóm C				
1	Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2021	26 640	3 770	30 410	
2	Đầu tư xây dựng công trình trạm nén khí trung tâm Vàng Danh	7 267	684	7 951	
3	Dự án đầu tư xưởng sửa chữa thiết bị khu Vàng Danh	2 739	143	2 882	
4	Đầu tư XDCT cải tạo nâng cấp HT lưới điện 6kV và 35kV tự động hoá và điều khiển từ xa	10 952	217	11 168	
5	Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất cửa lò mức +139 Vàng Danh	511	139	650	
6	Dự án trạm rửa xe ô tô Vàng Danh		3 154	3 154	
7	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò năm 2021	18 390	1 742	20 132	
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu 034	4 544	440	4 984	
9	Dự án đầu tư hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt	3 619	604	4 223	
10	Dự án đầu tư hệ thống tự động hóa trạm quạt gió chính		65	65	
11	Dự án đầu tư hệ thống kiểm soát người ra vào công trường và chấm công	5 924	60	5 984	
B	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI	7 175	240	7 415	
I	Dự án nhóm C	7 175	240	7 415	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình gara ô tô khu Cánh Gà (Mở rộng mặt bằng sản xuất và nhà để xe)	7 175	240	7 415	
C	CHUẨN BỊ DỰ ÁN		15 343	15 343	
I	Dự án nhóm B				
1	Dự án đầu tư XDCT khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh		4 560	4 560	
2	Dự án Đầu tư mua lại trụ sở DHSX Công ty tại Uông Bí		951	951	
II	Dự án nhóm C				
1	Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2022		320	320	
2	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò năm 2022		280	280	

TT	Tên dự án	Nguồn vốn (Triệu đồng)			
		Vốn vay	Vốn CSH	Cộng	Ghi chú
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình trạm xử lý nước sinh hoạt Vàng Danh và bơm nước các kho than		5 950	5 950	
4	Dự án đầu tư XDCT nhà kho kim khí và kho thu hồi		615	615	
5	Dự án đầu tư hệ thống nạo vét bùn hầm lò		220	220	
6	Dự án đầu tư máy combai đào lò		200	200	
7	Dự án đầu tư mua lại tài sản Trường Cao đẳng nghề mỏ Than-Khoáng sản Việt Nam		150	150	
8	Dự án Tự động hóa trạm bơm trung tâm thoát nước mỏ (mức -10, -175 Giếng Vàng Danh; -50 Giếng Cánh gà)		497	497	
9	Dự án cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên V4 , V8a, Mỏ than Vàng Danh		1 500	1 500	
10	Dự án đầu tư thiết bị tăng năng lực sản xuất năm 2022		100	100	
D	DỰ PHÒNG	109 482	9 129	118 611	
I	Dự án nhóm C				
1	Dự án Tự động hóa trạm bơm trung tâm thoát nước mỏ (mức -10, -175 Giếng Vàng Danh; -50 Giếng Cánh Gà)	11 643	260	11 903	
2	Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2022	19 702	3 998	23 700	
3	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò năm 2022	19 488	3 872	23 360	
4	Dự án đầu tư thiết bị khai thác bằng giàn chống mềm năm 2021	38 805	120	38 925	
5	Dự án đầu tư XDCT nhà kho kim khí và kho thu hồi	2 016	70	2 086	
6	Dự án đầu tư máy combai đào lò	2 635	70	2 705	
7	Dự án đầu tư cải tạo nâng cao năng lực sàng tuyển và tự động hoá Nhà máy tuyển Vàng Danh 1	14 693	404	15 097	
8	Dự án cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên V4 :- V8a, Mỏ than Vàng Danh	500	335	835	
	Tổng cộng	197.242	35.729	232.971	

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành năm 2021 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Ban Kiểm soát Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 ngày 17/6/2020. Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn một số nội dung giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty

Căn cứ quy định hiện hành về quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần. Thẩm định Báo cáo Tài chính Công ty năm 2021, với một số nội dung sau:

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2021

1.1. Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	QĐ 2157	Thực hiện	So sánh	So sánh
			QĐ 2160	QĐ 1834		TH/KH (2160)	TH/KH (2157)
a	b	c	1		2	(3)=2/1	
1	Than nguyên khai	tấn	3.820.000	3.750.000	3.876.251	101,47	103,37
	-Than lộ thiên	"	150.000	200.000	229.970	153,31	114,99

	-Than hầm lò	"	3.100.000	2.980.000	3.072.577	99,12	103,11
	-Than giao thầu KT	"					
	Than nguyên khai mua	"	570.000	570.000	573.704	100,65	100,65
2	Than sạch	"	3.353.000	3.353.000	3.382.961	100,89	100,89
3	Đất bóc	m3	160.000	160.000	233.618	146,01	146,01
4	Mét lò đào mới	mét	33.180	33.180	35.129	105,87	105,87
	- Mét lò CBSX	"	33.180	33.180	35.129	105,87	105,87
	- Mét lò XD CB	"					
5	Than tiêu thụ tổng số	tấn	3.353.000	3.353.000	3.392.367	101,17	101,17
6	Tồn kho cuối kỳ báo cáo	tấn			352.602		
	- Than sạch tiêu chuẩn	"			300.481		
	- Than nguyên khai +BTP	"			52.121		
7	Doanh thu tổng số	tr.đ	5.040.977	5.040.977	5.339.563	105,92	105,92
8	Đầu tư XD CB	tr.đ	287.903	334.586	259.821	90,25	77,65
9	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	56.158	56.158	127.613	227,24	227,24

Than nguyên khai tổng số thực hiện: 3.882.036 tấn/KH 3.820.000 tấn, bằng 101,6% kế hoạch ban đầu và bằng 103,5% kế hoạch điều chỉnh (QĐ.1834). Trong đó:

Than nguyên khai Công ty sản xuất: 3.308.332 tấn/KH 3.250.000 tấn, bằng 101,6% kế hoạch và bằng 104,0% kế hoạch điều chỉnh (QĐ.1834). Trong đó: Than lộ thiên đạt 229.970 tấn, bằng 153,3% kế hoạch ban đầu và bằng 114,9% kế hoạch điều chỉnh; Than hầm lò 3.078.361 tấn, bằng 99,3% kế hoạch ban đầu và bằng 103,3% so với kế hoạch điều chỉnh. Nguyên nhân sản lượng than hầm lò và than lộ thiên đạt cao so với kế hoạch điều chỉnh chủ yếu sau: (i) Do tình hình tiêu thụ than các tháng cuối năm trên thị trường thuận lợi. Để đáp ứng nhu cầu than tiêu thụ TKV giao, Công ty đã chủ động chỉ đạo điều hành tập trung lấy tăng sản lượng than hầm lò và lộ thiên, để bù đắp cho sản lượng tầng lò bằng chưa khai thác được; (ii) Ngoài ra do sản lượng than khai thác lộ thiên được phép khai thác vượt dưới 15% so với quy định trong giấy phép (gia hạn) khoáng sản số: 156/GP-BTNMT, ngày 27/8/2020 (tại công

văn số:7674/BTNMT-ĐCKS, ngày 16/12/2021 của Bộ Tài Nguyên & Môi trường cho phép “v/v khai thác vượt công suất tại một số khu vực khai thác than của TKV trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”).

Than nguyên khai mua mỏ (Công ty than Uông Bí) 573.704 tấn/KH 570.000 tấn, bằng 100,6 % kế hoạch.

Bóc đất thực hiện: 233.618 m³/KH 160.000 m³, bằng 146,01% kế hoạch ban đầu và bằng 109,6% kế hoạch điều chỉnh (QĐ.1834). Nguyên nhân khối lượng bóc đất đạt cao hơn so với kế hoạch điều chỉnh chủ yếu là do sản lượng than khai thác lộ thiên tăng so với kế hoạch, nên Công ty đã chủ động chỉ đạo cân đối giữa hệ số bóc đất đá và sản lượng than khai thác, để đảm bảo hệ số đất bóc theo kế hoạch TKV giao.

Mét lò đào mới thực hiện 35.129m/KH 33.180m, bằng 105,8% kế hoạch ban đầu và bằng 102,7% kế hoạch điều chỉnh (QĐ.1834). Nguyên nhân mét lò đào tăng so với kế hoạch là do giấy phép khai thác phần lò bằng gia hạn muộn, nên chưa tổ chức đấu thầu khai thác được, Công ty đã chủ động điều hành lấy tăng sản lượng than khai thác phần lò giếng, để đảm bảo hệ số mét đào theo kế hoạch TKV giao, Công ty đã chỉ đạo đào tăng mét lò CBSX để lấy than và chuẩn bị tài nguyên sẵn sàng cho năm 2022.

Mét lò chống neo thực hiện: 309,6mét/KH 1025 mét, đạt 30,2% kế hoạch năm. Nguyên nhân mét lò đào chống neo đạt thấp là do: (i) Diện sản xuất của Công ty tập trung nhiều tại các khu vực vỉa dốc như khu I, II, III Giếng Vàng Danh, khu Giếng Cánh Gà có địa chất phức tạp áp lực mỏ lớn, than đá mềm yếu, phân lớp mỏng, chỉ số khoan lấy mẫu RQD<25%, vỉa dốc, xuất hiện nước ngầm qua các phân lớp than đá, gặp đứt gãy phay không đảm bảo điều kiện thi công neo theo quy định; (ii) Diện sản xuất thay đổi liên tục và khối lượng nhỏ, không tập trung nên mất nhiều chi phí nhân công, thời gian trong việc huy động và luân chuyển thiết bị giữa các diện thi công; (iii) Ngoài ra năm 2021 do nhiều đường lò đào có áp lực lớn, để hạn chế chống đội và chống dậm, để giảm chi phí Công ty đã chủ động tổ chức neo gia cường, gia cố tại các đường lò có áp lực lớn với khối lượng = 2.129,5m. Nếu tính cả khối lượng neo gia cường, gia cố lò thì số mét lò neo thực hiện năm 2021 = 2.439,1 m bằng 237,9% so với kế hoạch 1.025m neo.

Về than nguyên khai tăng lò bằng: Công ty có 02 Giấy phép khai thác tăng lò bằng gồm giấy phép Dự án đầu tư cải tạo mở rộng khai thác hầm lò tăng lò bằng từ LV ÷ +122 khu Trung tâm Vàng Danh và giấy phép Dự án đầu tư cải tạo mở rộng khai thác hầm lò tăng lò bằng từ LV ÷ +115 khu Cánh Gà Vàng Danh hết hạn từ cuối năm 2020, đến ngày 18/6/2021 mới được Bộ TN&MT cấp phép gia hạn. Đến hết năm 2021 Công ty chưa thực hiện khai thác được (phải tạm dừng sản xuất từ cuối năm 2020 khi hết giấy phép). Thực hiện công tác bảo vệ, củng cố, duy tu các đường lò, đảm bảo điều kiện kỹ thuật an toàn cho việc thông gió, thoát nước, và khi quay trở lại sản xuất, trong quý IV năm 2021 Công ty đã tiến hành củng cố, xúc dọn, vệ sinh công nghiệp các tuyến đường lò và mặt bằng kho than do đó trong năm 2021 Công ty có khối lượng than củng cố, xúc dọn tại tăng lò bằng là 5.785 tấn.

Cung độ vận chuyển than, đất đá so với kế hoạch:

Cung độ vận chuyển đất đá lộ vỉa thực hiện: 2.409 mét/KH 2833 mét, giảm 424 mét so với kế hoạch. Nguyên nhân do năm 2021 Công ty chủ yếu bóc đất ở lộ vỉa 5+270 để lấy than, có cung độ vận chuyển bình quân ngắn hơn (2,040 km), khối lượng vận chuyển 186.244 m³ (chiếm tỷ trọng 79,72%/KH 62,5%/tổng số khối lượng đất đá vận chuyển); Trong khi đó khối lượng đất đá quá cỡ và đất đá lẫn than từ LV5+270 vận chuyển về +183 và kho công ty

để chế biến có cung độ vận chuyển bình quân xa hơn (3,862 m), có khối lượng vận chuyển 37.374 m³ (chiếm tỷ trọng 20,28%/KH 37,5%/tổng số khối lượng đất đá vận chuyển).

Cung độ vận chuyển than lộ thiên thực hiện: 3.390 mét/KH 4.330 mét, giảm 940 mét so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là: (i) Do năm 2021 Công ty thi công trụ băng tải của tuyến băng tải vận chuyển than từ Công ty Than Uông Bí về nhà máy tuyển TVD2 (trụ băng nằm giữa kho than nguyên khai TVD2), do đó Công ty đã phải dừng vận chuyển than lộ vỉa về nhà máy TVD2 mà vận chuyển thẳng về nhà máy tuyển TVD1 để sàng tuyển chế biến (có cung độ vận chuyển ngắn hơn so với cung độ về TVD2).

Cung độ vận chuyển than hầm lò thực hiện 3,050km/KH 3.155km, giảm 106 mét. Nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng than khai thác phần lò bằng năm 2021 chưa thực hiện (do giấy phép khai thác phần lò bằng gia hạn muộn, nên công ty chưa tổ chức đấu thầu khai thác được); Do đó Công ty đã phải huy động tăng thêm sản lượng than ở các vỉa khu vực lò giếng có cung độ vận chuyển bình quân ngắn hơn so với cung độ vận chuyển bình quân theo kế hoạch TKV giao.

Đánh giá các mặt quản lý trong năm 2021

Về Công tác an toàn: Việc tổ chức huấn luyện và ban hành các văn bản về công tác AT-VSLĐ, được triển khai thực hiện tốt; công tác kiểm tra, thanh tra và kiểm tra theo chuyên đề được tăng cường.

Công tác thông gió, thoát nước mỏ:

Hệ thống trạm quạt, mạng thông gió cơ bản được duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng đủ điều kiện cho các diện sản xuất; hệ thống quan trắc khí tự động được quản lý và sử dụng hiệu quả; công tác khoan thăm dò phòng ngừa bụi nước, khí và thoát nước được thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định.

Công tác bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai:

Công tác bảo vệ môi trường: Thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không để xảy ra bất kỳ sự cố môi trường nào.

Công tác phòng chống thiên tai: Việc triển khai thực hiện các nội dung phần việc, các công trình và hạng mục trong kế hoạch phòng chống thiên tai- TKCN năm 2021, về cơ bản đảm bảo tiến độ đề ra, giá trị thực hiện đạt 108,3% kế hoạch năm.

Công tác quản trị chi phí: Tổ chức giao khoán chi phí sản xuất nội bộ các công đoạn sản xuất cho tất cả các đơn vị; khoán chi phí sửa chữa thường xuyên xe con văn phòng; khoán chi phí sử dụng xe ô tô đi công tác cho các chức danh theo quy định hiện hành của Nhà nước; khoán chi phí văn phòng phẩm cho tất cả các phòng ban.

Thành lập Ban chỉ đạo, tổ giúp việc và tiểu ban về Quản trị chi phí năm 2021 của Công ty (ban hành tại Quyết định số 85/QĐ-TVD ngày 22/01/2021); Các đơn vị trong Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch tiết kiệm chi phí và các biện pháp nâng cao hiệu quả SXKD năm 2021 tại quyết định số: 123/QĐ-TVD-KH ngày 05/02/2021; xây dựng chương trình thực hiện thực hành, tiết kiệm chống lãng phí năm 2021 của Công ty theo yêu cầu của TKV (ban hành tại QĐ số 385/QĐ-TVD-KH); Tổ chức rà soát vật tư tồn kho, vật tư chậm luân chuyển, vật tư thu hồi để có kế hoạch đưa vào phục vụ sản xuất giảm mua mới và dự trữ vật tư ở mức phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh: Lợi

nhuận năm 2021 đạt 129,6 tỷ đồng bằng 230,9% kế hoạch năm; Tiết kiệm chi phí 73,5 tỷ đồng/KH-TKV tiết giảm là 66,2 tỷ đồng bằng 111%.

Công tác bảo vệ thanh kiểm tra: phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng địa phương bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ, bảo vệ tài sản của công ty và giữ vững an ninh trật tự khu mỏ. không để xảy ra mất an ninh trật tự và khai thác than trái phép; công tác thanh kiểm tra được triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Công tác đời sống, chăm lo phát triển nguồn nhân lực:

Công ty tham gia và đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho 100% công nhân viên chức lao động theo đúng quy định hiện hành; các điều kiện làm việc, ăn, ở, đi lại của công nhân, tiếp tục được quan tâm cải thiện; Trang cấp bảo hộ lao động cá nhân, các chế độ ăn định lượng, ăn ca và bồi dưỡng độc hại đối với người lao động được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Công tác triển khai phòng chống dịch Covid -19

Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, tỉnh Quảng Ninh, thành phố Uông Bí và TKV. Thường xuyên bổ sung, cập nhật, ban hành các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đã ban hành; kiện toàn lại Ban chỉ đạo, các Tổ công tác, Tổ giúp việc và các Tiểu ban phòng, chống dịch bệnh COVID-19 các đơn vị; Công ty đã xây dựng Phương án phòng chống dịch COVID-19 tại Công ty (Phương án số 169/PA-TVD ngày 08/3/2021 trình UBND thành phố thẩm định và đã được phê duyệt);

Thiết lập kênh liên lạc với Trung tâm y tế thành phố và công khai thông tin liên lạc (tên, số điện thoại) của cán bộ đầu mối phụ trách về công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại nơi làm việc (giao cho đồng chí Trưởng Trạm y tế thường xuyên liên lạc với cơ quan y tế của địa phương như Phòng Y tế, Trung tâm y tế thành phố và các Trạm y tế xã, phường của thành phố để phối hợp điều tra dịch tễ, truy vết và triển khai công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại Công ty);

1.2. Thực trạng tài chính tại thời điểm ngày 31/12 /2021:

Từ đầu năm Công ty đã lập kế hoạch tài chính dựa trên các yếu tố sản xuất kinh doanh của Công ty do TKV giao khoán. Nhằm chủ động nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất của Công ty mang tính ổn định và liên tục.

Các khoản vay thực hiện ký hợp đồng đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý. Sổ sách, chứng từ ghi chép rõ ràng. Theo dõi từng khoản vay và nội dung vay cụ thể. Vay ngắn hạn giảm 94,5 tỷ đồng so đầu năm. Công ty thực hiện vay trong hạn mức được TKV phê duyệt là 250 tỷ đồng. Đạt 45,6% kế hoạch

Các khoản vay dài hạn được vay các tổ chức tín dụng phục vụ công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty trong kỳ. Được theo dõi và phân tích các khoản nợ đến hạn trả dưới 1 năm phù hợp với nội dung yêu cầu quản lý của TKV và phục vụ việc cân đối tài chính được kịp thời và chính xác.

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ĐẦU KỲ	CUỐI KỲ	TĂNG(+); GIẢM (-)
				3=2-1

		1	2	
I	Ngắn hạn	209.064	114.525	(94.539)
II	Dài hạn	1.078.531	735.697	(342.834)
	Nợ dài hạn đến hạn trả			-
	Nợ từ 5-10 năm			-
	Tổng cộng	1.287.595	850.222	(437.373)

Một số chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty tại thời điểm 30/12/2021:

Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn = 0,77 lần

Nợ phải trả / Vốn CSH = 3,28 lần/ KH 4,13 lần

Khả năng TT hiện thời (TSNH/Nợ NH) = 0,72 lần./ KH 0,56 lần.

CR (current ratio) của Công ty đạt 0,72 lần mức độ cận an toàn. Mức độ các khoản nợ của các chủ nợ ngắn hạn được trang trải bằng tài sản có thể chuyển thành tiền trong một giai đoạn tương đương với thời gian của các khoản nợ đó.

Tỷ số lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản (ROA) đạt 4,3% .

Tỷ suất sinh lời/ tổng tài sản hay doanh lợi tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 đạt 4,3% (thực chất chỉ tiêu này chỉ mang tính thời điểm (ROA)

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn CSH (ROE) đạt 18,43%.

Chỉ tiêu tỷ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu càng cao là càng tốt cho đơn vị. Được kết hợp với ROA để xem xét đến việc đơn vị sử dụng đòn bẩy tài chính trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên các chỉ tiêu tài chính hoặc sản lượng SX sản phẩm và quy mô tiêu thụ của Công ty phụ thuộc vào hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn nên chỉ phân tích mang tính chất tương đối, phối hợp các chỉ tiêu trong quản trị doanh nghiệp.

Hệ số bảo toàn vốn đạt: 1,1lần.

Dư vay ngắn hạn / kế hoạch : 114 tỷ đồng/250 tỷ đồng đạt 45,6%.

Công ty cơ bản quản lý tài chính, dòng tiền tương đối tốt. Cần đổi nguồn vốn ngắn hạn và dài hạn trong đầu tư. Chủ động và tiết kiệm trong vay vốn sản xuất. Sử dụng vốn vay có hiệu quả.

1.3. Thực hiện các dự án đầu tư năm 2021:

Tình hình thực hiện các dự án:

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, thiết bị phục vụ tiếp nhận than từ mỏ Đồng Vông đến Nhà máy tuyển Vàng Danh 2:

Dự án được phê duyệt tại QĐ số 83/QĐ-TVD-ĐTMM, ngày 16/01/2020, tổng mức đầu tư 47 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2020-2021, đến nay dự án đã được thi công xong, nghiệm

thu đưa vào sử dụng trong tháng 9/2021 và đang thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành, với giá trị đầu tư đạt 28.922 triệu đồng.

Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2020:

Dự án được phê duyệt tại QĐ số 740/QĐ-TVD-ĐTM, ngày 25/5/2020, tổng mức đầu tư 106 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2020-2021, đến nay dự án đã thực hiện xong, Công ty đã thực hiện xong và quyết toán dự án hoàn thành, giá trị đầu tư đạt 4.060 triệu đồng.

Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò năm 2020:

Dự án được phê duyệt tại QĐ số 748/QĐ-TVD-ĐTM, ngày 26/5/2020, tổng mức đầu tư 79 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2020-2021, đến nay dự án đã thực hiện xong, Công ty đã thực hiện xong công tác kiểm toán dự án và quyết toán dự án, giá trị đầu tư đạt 12.781 triệu đồng.

Báo cáo NCKT đầu tư thiết bị khai thác bằng giàn chống mềm đồng bộ:

Dự án được phê duyệt tại QĐ số 1748/QĐ-TVD-ĐTM, ngày 13/10/2020, tổng mức đầu tư 90 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2020-2021, đến nay dự án đã thực hiện và quyết toán dự án hoàn thành, giá trị đầu tư đạt 86.627 triệu đồng.

Dự án đầu tư hệ thống hút đập bụi hầm lò:

Dự án được phê duyệt tại QĐ số 1974/QĐ-TVD-ĐTM, ngày 23/11/2020, tổng mức đầu tư 4 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2020-2021, đến nay dự án đã thực hiện xong và quyết toán dự án hoàn thành, giá trị thực hiện đạt 3.824 triệu đồng.

Dự án đầu tư XDCT đường dây 35kV 372, 373 đi ngầm đoạn từ trạm 35 Vàng Danh qua kho dự chế:

Dự án được phê duyệt tại QĐ số 1869/QĐ-TVD-ĐTM, ngày 30/10/2020, tổng mức đầu tư 6 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2020-2021, đến nay dự án đã thi công xong đưa vào sử dụng trong tháng 5/2021 và quyết toán dự án, giá trị thực hiện đạt 5.440 triệu đồng.

Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2021:

Dự án được TKV thông qua nội dung tại văn bản số 1899/TKV-ĐT ngày 05/5/2021 và Công ty đã phê duyệt tại QĐ số 469/QĐ-TVD ngày 14/5/2021 với TMĐT 84 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2021-2022. Đến nay đã tổ chức lựa chọn xong nhà thầu mua sắm thiết bị: 17/20 gói thầu mua sắm thiết bị, còn 03 gói đã lựa chọn nhà thầu nhưng phải huỷ thầu do giá dự thầu vượt giá gói thầu được duyệt, hiện Công ty tổ chức điều chỉnh dự án và đã trình TKV thông qua, giá trị đầu tư đạt 53.698 triệu đồng.

Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò năm 2021:

Dự án được TKV thông qua nội dung tại văn bản số 1912/TKV-ĐT ngày 05/5/2021 và Công ty đã phê duyệt tại QĐ số 565/QĐ-TVD ngày 26/5/2021 với TMĐT 67 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2021-2022. Đến nay đã tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thiết bị: 17/21 gói thầu, còn lại 04 gói thầu đã huỷ thầu do giá dự thầu vượt giá gói thầu được duyệt, hiện Công ty tổ chức điều chỉnh dự án và đã trình TKV thông qua, giá trị đầu tư đạt 32.531 triệu đồng.

Dự án đầu tư hệ thống tự động hóa trạm quạt gió chính:

Dự án đã được Công ty phê duyệt tại QĐ số 319/QĐ-TVD và TKV điều chỉnh chuyên bước KH tại văn bản số 1831/TKV-ĐT ngày 29/4/2021 với TMĐT 14,7 tỷ đồng, thời gian

thực hiện 2021-2022. Đến nay Công ty đã lựa chọn xong nhà thầu và ký kết hợp đồng thực hiện, nhà thầu đang thực hiện hợp đồng theo tiến độ, dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 12/2021, giá trị đầu tư đạt 12.964 triệu đồng.

Dự án đầu tư xây dựng công trình trạm nén khí trung tâm Vàng Danh:

Dự án được TKV thông qua nội dung tại văn bản số 1680/TKV-ĐT ngày 30/4/2021, đã duyệt xong quy hoạch xây dựng và công tác đền bù GPMP, Công ty đã phê duyệt tại QĐ số 418/QĐ-TVD 04/5/2021 với TMĐT 17 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2021-2022. Đã lập và được Sở Công thương thông qua TKBVTC-ĐT, Cảnh sát PCCC thẩm duyệt xong hồ sơ thiết kế PCCC, Công ty đã phê duyệt thiết kế và thực hiện xong công tác lựa chọn nhà thầu dự án, bàn giao mặt bằng thi công và nhà thầu đang triển khai thi công, giá trị đầu tư đạt 9.781 triệu đồng.

Dự án đầu tư xưởng sửa chữa thiết bị khu Vàng Danh

Dự án đã được TKV chuyển bước thực hiện dự án tại Văn bản số 3135/TKV-ĐT ngày 12/7/2021, Công ty đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 752/QĐ-TVD ngày 18/6/2021 với tổng mức đầu tư 17 tỷ đồng. Dự án đã lựa chọn nhà thầu và bàn giao mặt bằng thi công đầu tháng 11/2021, giá trị đầu tư đạt 3.701 triệu đồng.

Đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất khu vực cửa lò mức +139 Vàng Danh

Dự án đã được TKV chuyển bước thực hiện dự án tại Văn bản số 3135/TKV-ĐT ngày 12/7/2021, Công ty đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 728/QĐ-TVD, ngày 16/6/2021 với tổng mức đầu tư 11 tỷ đồng. Dự án đã lựa chọn nhà thầu xong và bàn giao mặt bằng thi công vào đầu tháng 9/2021, nhà thầu đang triển khai thi công dự án theo tiến độ, giá trị đầu tư đạt 7.769 triệu đồng.

Đầu tư xây dựng công trình cầu 034-Công ty Cổ phần Than Vàng Danh

Dự án đã được TKV chuyển bước thực hiện dự án tại Văn bản số 3653/TKV-ĐT ngày 06/8/2021, Công ty đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 760/QĐ-TVD, ngày 21/6/2021 với tổng mức đầu tư 14 tỷ đồng. Dự án đã lựa chọn nhà thầu xong và bàn giao mặt bằng thi công vào đầu tháng 9/2021, nhà thầu đang triển khai thi công dự án theo tiến độ, dự kiến hoàn thành vào cuối tháng 12/2021, giá trị đầu tư đạt 11.274 triệu đồng.

Đầu tư XDCT cải tạo nâng cấp HT lưới điện 6kV và 35kV tự động hoá và điều khiển từ xa

Dự án đã được TKV chuyển bước thực hiện dự án tại Văn bản số 4800/TKV-ĐT ngày 08/10/2021, Công ty đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 1015/QĐ-TVD, ngày 29/7/2021 với tổng mức đầu tư 14,5 tỷ đồng. Đã thực hiện xong công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện, giá trị đầu tư đạt 1.681 triệu đồng.

Dự án đầu tư hệ thống kiểm soát người ra vào công trường và chấm công

Dự án đã được TKV chuyển bước thực hiện dự án tại Văn bản số 4800/TKV-ĐT ngày 08/10/2021, Công ty đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 884/QĐ-TVD, ngày 08/7/2021 với tổng mức đầu tư 9 tỷ đồng. Dự án đã thực hiện xong công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện và bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu, dự kiến hoàn thành vào cuối tháng 12/2021, giá trị đầu tư đạt 8.518 triệu đồng.

Công tác giải ngân, thanh quyết toán vốn XDCT trong năm 2021 và sử dụng nguồn vốn đầu tư

- Các công trình, hạng mục hoàn thành, Công ty đã hoàn thiện thủ tục giải ngân theo quy định. Giá trị giải ngân năm 2021 đạt: 323.616 triệu đồng bằng 90% giá trị thực hiện. Các hạng mục thiết bị về trong tháng 12/2021 đang trong quá trình lắp đặt, chạy thử, chưa đưa vào sử dụng, do đó chưa hoàn thiện xong các thủ tục nghiệm thu thanh quyết toán và giải ngân theo quy định .

- Các nguồn vốn sử dụng cho các dự án trong năm 2021 đã được Công ty cân đối với khả năng thực hiện, theo đúng chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và các Ngân hàng thương mại, đảm bảo có đủ vốn trong công tác XDCT.

- Các nguồn vốn hiện có của Công ty và vốn huy động khác được bố trí cho các dự án là phù hợp.

Công tác chuẩn bị đầu tư, tình hình thực hiện các dự án, những khó khăn thuận lợi, đề xuất:

Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư:

- Dự án đầu tư XDCT khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh:TKV đã có văn bản thông qua quy mô dự án tại Văn bản số 1307/TKV-ĐT ngày 02/4/2021 Công ty đã lập và được địa phương duyệt quy hoạch xây dựng. Đã thực hiện xong công tác lựa chọn nhà thầu lập dự án, dự kiến quý 1/2022 trình các cấp có thẩm quyền thông qua và phê duyệt dự án.

- Dự án cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên V4-V8a, mỏ than Vàng Danh: Công ty đã lập và trình duyệt xong quy hoạch xây dựng, đang thực hiện công tác đền bù GPMB, đã trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định phê duyệt báo cáo ĐTM; đã lập, thẩm định xong dự án và đang trình TKV thông qua dự án trước khi trình Sở Công thương Quảng Ninh thẩm định dự án, hiện đang giải quyết thủ tục chuyển đổi rừng và đất rừng để thực hiện dự án với tỉnh Quảng Ninh.

- Dự án đầu tư thiết bị khai thác bằng giàn chống mềm năm 2021: Đã lập, trình và chờ TKV thông qua dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình gara ô tô khu Cánh Gà: Đã khảo sát, lập xong quy hoạch chi tiết 1/500 và dự án, đã trình và đang chờ TKV chuyển bước thực hiện dự án.

- Các dự án: Tự động hóa các trạm bơm trung tâm thoát nước mỏ; đầu tư cải tạo nâng cao năng lực sàng tuyển và tự động hoá Nhà máy tuyển Vàng Danh 1, các dự án đầu tư thiết bị năm 2022 hiện đang triển khai công tác lập dự án.

Giá trị thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đạt 2.010 triệu đồng

Những khó khăn, vướng mắc:

- Khó khăn trong công tác CBĐT dự án khai thác hầm lò phần lò giếng mức -50 ÷ -175 khu Cánh Gà: Với mức độ tin cậy trữ lượng của dự án còn thấp (tỷ lệ cấp trữ lượng 45,3%), nên Công ty phải khoan thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng. Tuy nhiên, công tác xin cấp phép Đề án khoan thăm dò không được sự đồng ý của UBND tỉnh Bắc Giang. Mặt khác, Tổng cục Địa chất khoáng sản Việt Nam cũng không đồng ý tách riêng 02 Đề án khoan

thăm dò khu Cánh Gà và khu Trung tâm Vàng Danh riêng, mà phải lập chung thành 01 Đề án để xin cấp phép triển khai thi công khoan thăm dò đồng thời.

- Giá cả sắt thép, nguyên vật liệu tăng cao đã làm ảnh hưởng đến quá trình lựa chọn nhà thầu một số gói thầu thiết bị, các gói thầu phải đấu thầu nhiều lần và huỷ thầu do giá dự thầu vượt giá gói thầu được duyệt.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã gây khó khăn cho các nhà thầu trong việc đưa nhân công, vật tư, thiết bị đến thi công các công trình làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

- Nhà máy tuyển Vàng Danh 1 đã xuống cấp do đó phải kiểm định đánh giá lại toàn bộ nhà máy, các thiết bị đầu tư áp dụng công nghệ sàng tuyển mới và phải nhập khẩu nên sẽ mất nhiều thời gian lập và thực hiện dự án cải tạo nâng cao năng lực sàng tuyển và tự động hoá nhà máy tuyển Vàng Danh 1.

- Việc trình các cấp có thẩm quyền thông qua chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chủ trương đầu tư, quy hoạch xây dựng, thiết kế và thông qua các dự án còn mất nhiều thời gian dẫn đến chậm tiến độ thực hiện.

Đánh giá chung tình hình thực hiện

- Các công trình, hạng mục công trình XD/CB được tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, yêu cầu kỹ thuật cơ bản và đầy đủ thủ tục XD/CB hiện hành.

- Các danh mục thiết bị được thực hiện đầu tư kịp thời đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo được các thông số kỹ thuật trong vận hành.

- Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị của Chủ đầu tư thực hiện theo đúng các quy định hiện hành nên đã đảm bảo được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và tiến độ thi công của các dự án. Thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, tự kiểm tra, kiểm toán XD/CB, có chương trình kế hoạch cụ thể, thực hiện kế hoạch tự kiểm tra, kiểm toán trước khi quyết toán công trình.

- Các công trình, hạng mục công trình, danh mục thiết bị thuộc kế hoạch ĐTXD năm 2021 Công ty đã thực hiện đầu tư đều đang phát huy hiệu quả trong dây chuyền sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin.

1.4. Tình hình sử dụng lao động năm 2021:

Thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động, các đơn vị trong toàn Công ty từ các phòng ban đến các công trường, phân xưởng đã quản lý chặt chẽ số lao động hiện có, hạn chế tổ chức học hợp vào ngày thường, tập trung lao động cho sản xuất đảm bảo có đủ lao động làm việc tại gương, dây chuyền sản xuất của đơn vị. Tiết kiệm triệt để trong việc sử dụng và bố trí lao động, giao việc căn cứ vào mức hao phí lao động tiêu chuẩn, công việc có thể kiêm nhiệm được đã bố trí kiêm nhiệm, người làm thêm việc được trả thêm lương; hạn chế được công nhân làm việc không hết thời gian, vi phạm thời giờ làm việc.

Đã thực hiện cân đối, điều chuyển lao động, xây dựng định mức mới, cơ chế khuyến khích tiền lương, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị;

Việc quản lý và sử dụng quỹ lương được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, tiền lương bình quân đạt 17,1 triệu đồng/người-tháng

Kết quả lao động sử dụng bình quân năm 2021 của Công ty là 5.585 người bằng 99,6% so với kế hoạch.

Duy trì tỷ lệ lao động các khối sản xuất theo sát mô hình mẫu của TKV, tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, bồi dưỡng cán bộ, kèm cặp học sinh thực tập, thực hiện chế độ khen thưởng, khuyến khích các cá nhân người lao động.

Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động như trả lương, trang bị bảo hộ lao động, điều kiện đi lại, ăn ca, ăn định lượng và bồi dưỡng độc hại, tham quan nghỉ mát ... đặc biệt trả lương cao đối với thợ lò, cán bộ nhân viên đảm đương các nhiệm vụ trọng yếu; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp trây lười, nghỉ việc không có lý do chính đáng kể cả thợ lò để từng bước nâng cao chất lượng lao động và kỷ luật lao động trong toàn công ty.

Tuyển dụng lao động:

Thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021 giữa Công ty với Tập đoàn Trong năm 2021 công ty tuyển dụng 421 người.

Công tác quản lý và sử dụng quỹ lương:

Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương theo quyết định số 22246/QĐ-TKV ngày 20/2/2020 của TKV trình HĐQT công ty và đăng ký với phòng TBXH Thành phố Uông Bí chuyển lại lương cho CBCNV đúng với quy định Nhà nước từ 1/1/2020

Tiếp tục thực hiện khoán quỹ lương khối phòng ban và khoán quỹ lương đối với các trưởng phòng và tương đương trở lên để nâng cao trách nhiệm của mỗi cán bộ, tập thể đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

Trong năm 2021, tiền lương của CBCNV trong toàn Công ty được trả đúng thời hạn theo hợp đồng lao động với mức bình quân đạt 17,7 triệu đồng/người-tháng, bằng 110% so với kế hoạch. Tỷ trọng quỹ lương các khu vực sản xuất, hệ số giãn cách giữa các chức danh, ngành nghề sát với quy định của TKV.

Công tác Lao động tiền lương công ty đã thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Nhà nước (Luật lao động, Luật BHXH, Luật Doanh nghiệp, Nghị định 51..., Thông tư 19...); Các Quy chế, Quy định của Tập đoàn; Điều lệ công ty; Quy chế & Quy định trả lương của Công ty.

Công tác chế độ đối với người lao động:

Tham gia và đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho 100% công nhân viên chức lao động theo đúng quy định hiện hành;

Trang cấp bảo hộ lao động cá nhân đối với người lao động. Chế độ ăn ĐL, ăn giữa ca và BD độc hại Công ty thực hiện tốt theo quy định.

2. Kết quả kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính

2.1. Về công tác kế toán:

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

đúng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Các báo cáo quản trị được lập đầy đủ theo yêu cầu của Tập đoàn

Sổ kế toán và Chứng từ: Công ty đã mở sổ kế toán tổng hợp và chi tiết để ghi chép và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng mẫu quy định, các sổ chi tiết được mở đầy đủ. Chứng từ kế toán được lưu trữ đầy đủ, gọn gàng.

ĐVT: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=1/2
A	Tài sản ngắn hạn	100	768.052	824.506	(56.454)	93,15
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	12.980	10.609	2.371	122,35
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120				
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	341.316	431.803	(90.487)	79,04
4	Hàng tồn kho	140	393.438	355.217	38.221	110,76
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	20.318	26.877	(6.559)	75,60
B	Tài sản dài hạn	200	1.590.511	1.846.022	(255.511)	
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	41.714	39.659	2.055	105,18
2	Tài sản cố định	220	981.696	1.254.727	(273.031)	
	Tài sản cố định hữu hình	221	979.567	1.251.709	(272.142)	78,26
	Tài sản cố định thuê tài chính	224			-	
	Tài sản cố định vô hình	227	2.129	3.018	(889)	
3	Bất động sản đầu tư	230			-	
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	42.067	33.051	9.016	127,28
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250			-	
6	Tài sản dài hạn khác	260	525.034	518.585	6.449	101,24

	Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	270	2.358.563	2.670.528	(311.965)	
C	Nợ phải trả	300	1.806.896	2.154.707	(347.811)	
1	Nợ ngắn hạn	310	1.073.086	1.106.535	(33.449)	96,98
2	Nợ dài hạn	330	733.810	1.048.172	(314.362)	70,01
D	Vốn chủ sở hữu	400	551.667	515.821	35.846	
1	Vốn chủ sở hữu	410	551.667	515.821	35.846	106,95
	Vốn góp của chủ sở hữu	411	449.629	449.629	-	100,00
	Thặng dư cổ phần	412	(393)	(393)		
	Vốn khác của chủ sở hữu	414	352	352		
	Quỹ đầu tư phát triển	418	421	421	-	100,00
	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-	
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-	
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	101.658	65.812	35.846	
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này					
	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-	
1	Nguồn kinh phí	431			-	
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			-	
	Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	2.358.563	2.670.528	(311.965)	

Tiền và các khoản tương đương tiền: Tại thời điểm 31/12/2021 chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền là : 12,9 tỷ đồng. Công ty cần lưu ý số tiền tại tài khoản không kỳ hạn cho hợp lý đảm bảo theo yêu cầu quản lý và tiết kiệm chi phí tài chính trong kinh doanh. Tại các thời điểm cuối tháng công ty đã thực hiện đối chiếu và kiểm kê tiền mặt và xác nhận số dư tiền gửi theo quy định. Công tác kiểm đếm tiền mặt có phân loại các mệnh giá tiền trên

sổ quỹ và bảng kê. (Công tác kiểm tra của ban kiểm soát xác xuất theo tháng, không liên tục trong các tháng của quá trình làm việc).

2.2. Về quản lý tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc:	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị:	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng:	05 - 06 năm
Các tài sản khác	05 năm

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày

13/10/2016. Trong năm Công ty cân đối tài chính và trích khấu hao tài sản cố định với khấu hao nhanh 2 lần so với quy định trừ nhóm tài sản cố định là thiết bị truyền dẫn.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

Phần mềm máy tính:

03 năm

Về cơ bản công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi, hạch toán tài sản cố định theo quy định. Tuy nhiên, trong công tác quản lý cần theo dõi và đối chiếu thường xuyên với các đơn vị sử dụng tài sản cố định trong Công ty. Kết hợp với kế toán đầu tư quyết toán các hạng mục công trình thuộc các dự án để xác nhận giá trị chính xác về nguyên giá tài sản phục vụ công tác quản lý (Quyết định tăng tài sản). Công ty thực hiện việc trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính. Công ty tổ chức thanh lý tài sản thực hiện thuê tổ chức đấu thầu và giá bán theo quy định.

2.3. Công tác sửa chữa TSCĐ:

TT	Tên TSCĐ	Kế hoạch	Thực hiện SCL từ đầu năm	Tỷ lệ thực hiện
	B	1	2	
A	Thuê ngoài trong TKV	9.670.000.000	7.668.784.085	79,30
1	Sửa chữa thiết bị công tác và cơ điện	6.270.000.000	4.654.825.439	
2	Sửa chữa thiết bị vận tải	3.400.000.000	3.013.958.646	
3	Sửa chữa thiết bị tuyển than			
B	Thuê ngoài ngoài TKV	39.325.000.000	26.755.693.388	68,04
1	Sửa chữa thiết bị công tác và cơ điện	15.270.000.000	7.569.753.387	
2	Sửa chữa thiết bị vận tải	6.625.000.000	5.346.705.509	
3	Sửa chữa thiết bị tuyển than	350.000.000	179.396.000	
4	Sửa chữa vật kiến trúc	17.080.000.000	13.839.234.492	
C	Tự làm	26.150.000.000	16.262.211.001	
1	Sửa chữa thiết bị công tác và cơ điện	22.760.000.000	13.555.785.356	
2	Sửa chữa thiết bị tuyển than	3.390.000.000	2.706.425.645	
3	Sửa chữa thiết bị TT-KCS			
	Tổng cộng	75.145.000.000	50.686.688.474	67,45

2.4. Quản lý công nợ phải thu, phải trả, vay và thuê tài chính:

+ Quản lý công nợ phải thu, phải trả:

- Quản lý nợ phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	So sánh tăng(+); giảm(-)
		1	2	3=1-2
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	341.315	431.803	-90.488
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	324.292	386.179	-61.887
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.305	17.131	-6.826
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn		30.250	-30.250
4	Phải thu ngắn hạn khác	14.682	5.174	9.508
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-7.964	-6.931	-1.033
				0
II	Các khoản phải thu dài hạn	41.714	39.659	2.055
1	Trả trước cho người bán dài hạn	1.600	3.200	-1.600
2	Phải thu dài hạn khác	40.114	36.459	3.655

Công nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2021 là 341 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 89 % tổng số công nợ phải thu. Một số khoản ứng trước cho người bán là 10 tỷ đồng. Chủ yếu Công ty ứng tiền cho khách hàng đã ký kết hợp đồng cung cấp thiết bị thuộc các dự án đầu tư. Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết và chứng từ đảm bảo cho số tiền ứng trước. Thực hiện việc đối chiếu công nợ.

Công ty đang theo dõi trên sổ sách khoản thu nợ với nội dung Phải thu tiền bồi hoàn vật chất và đào tạo của người lao động từ năm 2012 đến nay là : 10.348.494.759 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng theo quy định là 7.963.748.934 đồng. Hồ sơ công nợ được xác định bằng các quyết định bồi hoàn tiền CNV được đào tạo bằng kinh phí Công ty và không đáp ứng được thời gian công tác bắt buộc. Phòng Kế toán đã mở sổ theo dõi chi tiết từng các nhân với nội dung công nợ cụ thể có phân tích tuổi nợ qua các thời kỳ. Việc thu hồi là khó khăn nên Công ty cần có biện pháp thu triệt để hạn chế tối đa việc tổn thất kinh tế của Công ty. Công ty đã kiểm tra và báo cáo TKV theo yêu cầu của Công văn số 5666/TKV-KT ngày 1 tháng 12 năm 2016 bằng Công văn số 1835/TVD-TKKTTC ngày 6 tháng 12 năm 2016. Số dư công nợ khó đòi với nội dung người lao động vi phạm quy chế đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực như trên. Bao gồm tài khoản hạch toán, cách thức theo dõi và thu hồi công nợ(nếu có).

Công nợ phải thu dài hạn: tại thời điểm 31/12/2021 số dư công nợ là 40 tỷ đồng về cơ bản công ty đã thực hiện mở sổ sách theo dõi công nợ với từng đối tượng khách hàng và phù hợp với nội dung công nợ. Công nợ đã được phân loại tuổi nợ theo quy định. Các khoản ký quỹ môi trường với Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh là 33,7 tỷ đồng. Bao gồm 8 dự án đầu tư tại công ty qua các năm (đã có xác nhận).

Giá trị ứng trước gỗ trồng rừng của 2 đơn vị là 16,650 tỷ đồng tương ứng 24.257,66 m3 gỗ lò. (Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Cẩm Phả: 10,01 tỷ đồng; Công ty lâm nghiệp Uông Bí: 6,640 tỷ đồng). Đến 31/12/2021 Công ty thu hồi gỗ và tiền tổng số 0,9 tỷ đồng. Số còn phải thu : 11,7 tỷ đồng(Đã đối chiếu và xác nhận công nợ). Việc ứng trước tiền và chỉ định mua gỗ chống lò tại các đơn vị trên được Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Tập đoàn theo văn bản số 6307/TKV-VTM ngày 23/12/2015 về việc thông báo và hướng dẫn ký hợp đồng mua gỗ lò năm 2016.

Công ty CP than Vàng Danh đã báo cáo TKV về việc xin chủ trương thu hồi tiền vốn ứng trước mua gỗ trụ mỏ các năm 2007,2008,2009 đối với Công ty TNHH lâm nghiệp Cẩm Phả. Số 97/TVD-HĐQT ngày 15/1/2017.

Đề nghị Công ty quan tâm và tích cực đến công tác thu hồi số công nợ này đảm bảo theo quy định hiện hành.

Quản lý nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	So sánh tăng(+); giảm(-)
		1	2	3=1-2
I	Nợ ngắn hạn	1.073.086	1.106.533	(33.447)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	546.586	545.199	1.387
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		516,00	(516)
3	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách	61.489	15.490	45.999
4	Phải trả người lao động	294.135	278.702	15.433
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	12.745	1.969	10.776
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn			-
7	Phải trả ngắn hạn khác	11.837	8.234	3.603
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	123.127	240.809	(117.682)
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn			
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	23.167	15.614	7.553
II	Nợ dài hạn	733.810	1.048.172	(314.362)
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	733.810	1.046.786	(312.976)
	Dự phòng phải trả dài hạn		1.386	(1.386)

Nợ ngắn hạn đến 31/12/2021 là : 1.073 tỷ đồng chiếm 59% nợ phải trả.

Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn: 546 tỷ đồng. Là các khoản phải trả người bán về cung cấp vật tư, nguyên vật liệu. Công ty mở sổ sách theo dõi đầy đủ đối tượng công nợ theo yêu cầu TKV(Phân loại các đơn vị trong TKV và ngoài TKV). Các khoản công nợ đều là công nợ luân chuyển và có đủ khả năng trả nợ.

Phải trả người lao động : 294 tỷ đồng được xác định chi trả tiền lương và khuyến khích, và dự kiến dư quỹ lương.

Chi phí phải trả ngắn hạn:

Phải trả ngắn hạn khác: 11,8tỷ đồng như các quỹ đóng góp tự nguyện của Công ty (Quỹ hoạt động xã hội; Quỹ bảo hiểm thân thể; quỹ tương trợ CBCNV bị tai nạn lao động... được hình thành theo thỏa ước lao động tập thể hàng năm của Công ty, có thay đổi phù hợp với từng thời kỳ).

Các chỉ tiêu trên đã được tính toán hợp lý và được ghi nhận qua kết quả soát xét của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện tại Công ty.

Các khoản vay dài hạn: Số dư đến 31/12/2021 là 733 tỷ đồng đơn vị sử dụng để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng sản xuất. Tập trung cho 02 dự án Nhà máy tuyển than Vàng Danh II và dự án Khai thác phân lò giếng mức +0 -:- -175. Tài sản cố định của Công ty được đầu tư hình thành bằng 71,9% tổng nguyên giá tài sản tạo áp lực tài chính lớn cho công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tại các thời điểm và công tác chiến lược phát triển ổn định sản xuất của Công ty cần tính toán chặt chẽ và thường xuyên tới hiệu quả đầu tư của các dự án. các khoản vay thông qua các tổ chức tín dụng. Công tác phân loại, hạch toán nợ dài hạn đến hạn trả theo quy định.

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Trong năm 2021 Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời và có chất lượng.

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Số còn phải nộp Đầu kỳ	Số phát sinh		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	
1	Thuế GTGT	7.682	280.888	257.888	30.682
2	Thuế thu nhập DN	3.554	26.232	12.763	17.023
3	Thuế TNCN	1.611	5.965	6.560	1.016
4	Thuế tài nguyên	1.199	545.349	519.256	27.292
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	13.835	13.835	-
6	Thuế bảo vệ môi trường	(41)	650	589	20
7	Các loại thuế khác	-	272	272	-
8	Phí bảo vệ môi trường	1.444	34.527	34.255	1.716
9	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	140.167	140.167	-

10	Các khoản khác	-	36	36	-
	Tổng số	15.449	1.047.921	985.621	77.749

Hàng tồn kho:

Công ty mở sổ sách theo dõi kho theo quy định. Các kho hàng hóa, vật tư đều được ban hành quyết định làm cơ sở quản lý. Phân loại vật tư, phụ tùng hàng hóa theo tính năng và chủng loại để thuận tiện trong công tác cấp phát và quản lý kho. Đến 31/12/2021 giá trị hàng tồn kho vật tư+ công cụ dụng cụ là 41,9 tỷ đồng. Lượng vật tư dự trữ tồn kho đảm bảo 6% theo giao khoán của TKV. Công ty cần lưu ý chỉ tiêu này trong công tác quản lý và mua sắm vật tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Số dư đến thời điểm 31/12/2021 là 42 tỷ đồng

Công ty thực hiện theo dõi giá trị đầu tư dở dang của các dự án theo quy định.

2.5. Về công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư:

Công ty đã ban hành Quy chế quản lý vật tư và các quy định quản lý trong nội bộ, phù hợp với Quy chế quản lý công tác vật tư của Tập đoàn.

Tổ chức mua sắm vật tư kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất, giá cả, chất lượng vật tư đầu vào được kiểm soát chặt chẽ, trình tự thủ tục mua bán được thực hiện đúng quy chế của Công ty, của Tập đoàn và phù hợp với quy định của pháp luật; tồn kho vật tư toàn Công ty 31/12/ 2021 thực hiện đảm bảo 6% theo quy định đảm bảo so với mức Tập đoàn quy định. Công ty tiếp tục rà soát quản lý chỉ tiêu này để cân đối tài chính cũng như quản lý vật tư, phụ tùng tồn kho hiệu quả.

Quản lý định mức vật tư được theo dõi, kiểm soát thường xuyên, nhiều định mức không phù hợp với thực tế đã được điều chỉnh, những vật tư mới chưa có định mức đã được theo dõi, xây dựng định mức bổ sung để quản lý.

Công tác lập kế hoạch: Hàng tháng, quý, năm trên cơ sở kế hoạch sản xuất, tồn kho vật tư, Công ty tổ chức thực hiện lập kế hoạch vật tư từ các phân xưởng lên đến Công ty, từ đó tính toán cân đối kế hoạch đặt hàng, nhu cầu mua sắm vật tư, đảm bảo chủ động cho sản xuất, hạn chế tối đa việc phải mua vật tư với giá cao do thiếu chủ động; Lập nhu cầu mua vật tư tập trung quý, năm theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn.

Hệ thống kho được tổ chức theo nguyên tắc một cấp quản lý: Quản lý vật tư tại kho, quản lý tài liệu, hồ sơ chứng từ, xử lý hàng tồn kho ứ đọng; Tùy theo tính chất đặc tính kỹ thuật của các loại vật tư thiết bị, được xây dựng, quản lý, sắp xếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty; Tất cả các thủ kho đều được bồi dưỡng nghiệp vụ tại chỗ, một số thủ kho đã được bồi dưỡng nghiệp vụ của TKV.

Báo cáo chi tiết giá mua một số loại vật tư chủ yếu (có biểu chi tiết kèm theo).

TỔNG HỢP GIÁ MUA MỘT SỐ VẬT TƯ CHỦ YẾU NĂM 2021

TT	Chủng loại, quy cách	ĐVT	Xuất xứ	Đơn giá(đ)	Ghi chú
1	Mũi khoan than				
	Mũi khoan than PY 43	đ/cái	Nga	136.000	

2	Mũi khoan đá				
	Mũi khoan kim cương □□□□□	đ/cái	Trung Quốc	12.000.000	
	Mũi khoan kim cương □□□□□	đ/cái	Trung Quốc	12.650.000	
	Mũi khoan hợp kim neo nóc □□32 F=6-8	đ/cái	Trung Quốc	400.000	
	Mũi khoan khí ép 7 vấu	đ/cái	Trung Quốc	260.000	
	Mũi khoan chữ nhật □□32 F=6-8	đ/cái	Trung Quốc	125.000	
3	Choòng khoan than				
	Choòng khoan than L=1,8m (□38)	đ/cái	Trung Quốc	355.000	
	Choòng khoan thăm dò L=6m (04 cái/bộ)	đ/bộ	Trung Quốc	1.918.000	
4	Choòng khoan đá				
	Choòng khoan khí ép L=1,8m	đ/cái	Trung Quốc	425.000	
	Choòng khoan đá 6 cạnh L=1,0m (□19)	đ/cái	Trung Quốc	190.000	
5	Cột, dàn chống, giá chống thủy lực:				
	Cột chống thủy lực đơn DW-22 (không chân đế, van 3 tác dụng)	đ/cái	Trung Quốc	2.726.343	
	Cột chống thủy lực đơn DW-25 (không chân đế, các loại van)	đ/cái	Việt Nam	3.088.904	
	Cột giá khung ZH 1600/1.6/2.4Z (GK 1600/1.6/2.4HT) (DW22- 400/110) Không van, không đế	đ/cái	Việt Nam	6.194.048	
6	Lưới thép				
	Lưới thép đen □2,5 (KT 0,9mx5m)	m2	Việt Nam	37.173	
7	Cầu máng cào				
	Cầu máng cào MC 80/15, L=1,2m	cầu	Việt Nam	2.185.000	
	Cầu máng cào SGB 350/1200	cầu	Việt Nam	2.770.000	
8	Xích máng cào:				

	Xích máng cào SKAT 80	mét	Việt Nam	567.000	
9	Cầu máng trượt				
	Cầu máng trượt inox thường M385, L=1,2m	cầu	Việt Nam	790.000	
	Cầu máng trượt inox 430 C53 (CGH)	cầu	Việt Nam	2.470.000	
10	Xăm lớp ô tô				
	Xăm lớp 1100-20/20 PR SV 617	bộ	Việt Nam	6.207.273	
	Xăm lớp 1200-20/20 PR SV 649 CT	bộ	Việt Nam	6.768.182	
	Xăm lớp ô tô sao vàng 1200-24/24 PR SV 652 CT	bộ	Việt Nam	11.257.910	
	Lốp xe nâng hàng 6.50-10/5.00	bộ	Indônêsi	4.255.000	
	Lốp 265/65 R17 Bridgestore	Quả	Thái Lan	3.800.000	
	Lốp + sảm, yếm DRC 10.00 R20/D911/18PR	bộ	Việt Nam	6.068.182	
11	Băng tải cao su				
	Băng tải cao su chịu mài mòn B1000x5EP200x δ12(VN)	mét	Việt Nam	990.000	
	Băng tải cao su chịu mài mòn B500x4EP150 x δ10 VN	mét	Việt Nam	451.000	
	Băng tải cao su chịu mài mòn B650x5 EP200 δ12 VN	mét	Việt Nam	669.300	
	Băng tải cao su B800x5 lớp bốEP200x δ12(VN)	mét	Việt Nam	790.000	
	Mặt băng tải kháng cháy B800xEP300x 5 lớp bố dày 14 VN	mét	Việt Nam	1.340.000	
	Mặt băng tải chống cháy trong hầm lò B1000x5EP300 δ14 VN	mét	Việt Nam	1.690.000	
	Mặt băng tải B650xEP200X4 dày 11mm (Kháng cháy) VN	mét	Việt Nam	740.000	

3. Việc chấp hành và thực hiện các quy chế, quy định, quyết định, kỷ luật điều hành của TKV tại Công ty:

Về hoạt động quản lý của HĐQT Công ty:

- Năm 2021 HĐQT công ty đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp lãnh đạo Công ty thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Các thành viên Hội đồng quản trị đồng tâm hiệp lực, đoàn kết thống nhất tích cực hoạt động, cụ thể:

- HĐQT năm 2021 có 22 phiên họp HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, công tác tiền lương, tiền thưởng, các giải pháp quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

1- Nghị quyết số 1 ngày 11/1/2021 thông qua :

Thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021;

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2021;

Thông qua kế hoạch quản lý rủi ro năm 2021 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin với các chỉ tiêu chủ yếu sau: Tổng mức đầu tư : 316.693 triệu đồng trong đó:

- Xây lắp : 42.360 triệu đồng;

- Thiết bị : 262.231 triệu đồng

- Chi phí tư vấn, khác : 12.102 triệu đồng;

Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021 của Công ty;

Thông qua kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021;

Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định giao nhiệm vụ Người phụ trách kiểm toán nội bộ của Công ty, như sau:

- Họ và tên: Trần Thị Kìm Oanh;

- Ngày, tháng, năm sinh: 21/10/1966;

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán;

- Trình độ lý luận: Cao cấp;

- Chức vụ hiện nay: Phó phòng, phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ.

Miễn nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng khai thác 12 đối với ông Lã Thành Thường để Giám đốc Công ty điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ

Thông qua quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Thông qua Quy chế quản lý và sử dụng Tài sản cố định trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

Thông qua Quy chế huy động vốn, sử dụng vốn và các sản phẩm dịch vụ tài chính của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

2 Nghị quyết số 02 ngày 28/1/2021 thông qua:

Dự kiến thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 1 năm 2021, thông qua kế hoạch tháng 2 năm 2021;

Thông qua báo cáo của Giám đốc Công ty về các khoản chi cho người lao động trong dịp tết 2021.

3 Nghị quyết số 03 ngày 1/2/2021 thông qua:

Giám đốc Công ty triển khai thực hiện ngay việc đàm phán, ký kết hợp đồng để triển khai thực hiện, cụ thể như sau: 1. Xét nghiệm sàng lọc virus Sars-CoV-2 cho toàn bộ CBCNV Công ty dự kiến số lượng 5.431 người Đơn vị thực hiện: thuê Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí cung cấp kit xét nghiệm, tổ chức lấy mẫu và làm xét nghiệm virus Sars-CoV-2, xác định kết quả.

Giám đốc Công ty báo cáo kết quả xét nghiệm đến các cơ quan quản lý Nhà nước, Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 của thành phố, UBND tỉnh Quảng Ninh theo quy định.

Sau khi thực hiện xong, Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị Công ty kết quả thực hiện.

4. Nghị quyết số 4 ngày 26/2/2021 thông qua:

Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng K13 đối với ông Nguyễn Đức Thế.

5. Nghị quyết số 05 ngày 11/3/2021 thông qua:

Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

Thông qua công tác cán bộ của công ty Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định: Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng K9 đối với ông Nguyễn Đức Quân; Bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng, phòng Vật tư đối với ông: - Họ và tên: Hoàng Đình Dụng SDB: 9065;

Thông qua Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty;

Thông qua phương án huy động vốn năm 2021;

Thông nhất nội dung báo cáo của Giám đốc Công ty về tình hình xin gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản và các Hợp đồng thuê ngoài, thuê thầu khai thác, chế biến than, đất đá lẫn than...

6. Nghị quyết số 6 ngày 25/3/2021 thông qua:

Thông qua chương trình, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh quý I, Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II;

Thông qua Quy chế quản lý đất đai của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

Nghị quyết số 07: ngày 15/4/2021 thông qua:

Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế an toàn vệ sinh lao động;

Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2020

Phương án chế biến và tiêu thụ than khai thác tầng lò bằng tồn 31/12/2020;

Thông qua công tác cán bộ;

Thông qua KH sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021.

Nghị quyết số 08 ngày 4/5/2021 Thông qua:

Điều chỉnh kế hoạch chuyển bước ĐT XD CB năm 2021

Nghị quyết số 9 ngày 13/5/2021 thông qua:

Dự án và chuyển bước KH từ dự phòng sang chính thức D.Ấn đầu tư duy trì SX năm 2021

Nghị quyết số 10 ngày 29/6/2021 thông qua:

Dự kiến kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2021 KH SXKD tháng 7/2021;

Công tác cán bộ của Công ty.

Nghị quyết số 12 ngày 14/7/2021: Thông qua công tác cán bộ của Công ty.

Nghị quyết số 14 ngày 4/8/2021: Thông qua kết quả SXKD tháng 7 và KH tháng 8;

Thông qua chuyển bước của KH đầu tư XD CB năm 2021;

Thông qua Quy chế đào tạo;

Thông qua công tác cán bộ; Thông qua báo cáo tiếp tục công tác tái cơ cấu 2017-2020 trong giai đoạn 2021-2025.

Nghị quyết số 15 ngày 12/8/2021: thông qua sử lý kỷ luật cán bộ.

Nghị quyết số 16 ngày 31/8/2021: Thông qua kết quả SXKD tháng 8 và KH SXKD tháng 9;

Thông qua phương án, dự toán thành lập lưới đường chuyển trong lò;

Thông qua phương án, dự toán quan trắc biến dạng 5 trạm quạt;

Thông qua quy chế đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực;

Thông qua công tác cán bộ.

Nghị quyết số 17 ngày 6/9/2021 : thông qua công tác cán bộ.

Một số Nghị quyết trong quý 4/2021 bao gồm thông qua các kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kh đầu tư XD CB 2021 điều chỉnh; Công tác cán bộ và một số nội dung khác theo quy định

Về công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc đã thực hiện, triển khai kịp thời có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông; thường xuyên báo cáo, trao đổi, xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh;

- Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của HĐQT và các văn bản quản lý khác của Công ty một cách khoa học, đầy đủ và kịp thời.

- Giám đốc đã tổ chức thực hiện phương án SXKD theo các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Nhà nước và của Tập đoàn; thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng phối hợp kinh doanh đã ký với Tập đoàn.

- Triển khai thực hiện SXKD theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn: Xây dựng và triển khai Kế hoạch giao nộp sản phẩm, Ban hành định mức tiêu hao vật tư, đơn giá khoán và giao chi phí sản xuất cho các CT, PX, phòng Công ty. Ban hành và triển khai nghiêm túc mục tiêu và các giải pháp quản lý, điều hành năm 2021 nhằm thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu SXKD năm theo phương án Tập đoàn đã tiết giảm chi phí.

- Chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác ĐTXDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán vốn đầu tư công trình được thực hiện theo đúng quy định, đúng kế hoạch của Nhà nước và Tập đoàn.

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Nội quy, Quy chế lao động được thực hiện nghiêm túc.

- Thực hiện thỏa ước lao động và hợp đồng lao động đã ký. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ cũng như công tác khen thưởng, kỷ luật và luân chuyển cán bộ đều được thực hiện dân chủ công khai và minh bạch.

- Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác đều được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định.

- Hệ thống kiểm soát nội bộ được duy trì và hoạt động có hiệu quả. Ngay từ tháng 1/2021 hệ thống kiểm soát nội bộ đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra chi tiết theo nội dung quản lý phù hợp với các quy chế, quy định của TKV và thực tế sản xuất của đơn vị.

4. Cảnh báo những rủi ro trong kinh doanh của Công ty

Theo đánh giá của Kiểm soát viên Công ty tình hình tài chính của công ty là ổn định, đã tính đến các chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch theo HĐ PHKD nhằm an toàn về tài chính cho thời gian tiếp theo. Tuy nhiên Công ty cần lưu ý một số tồn tại:

Số công nợ đã tạm ứng trồng rừng tại 2 đơn vị thu hồi khá khó khăn.

Tuy có kế hoạch, chủ động trong việc hạch toán về chi phí cấp quyền khai thác (390,7 tỷ đồng). Công ty cần đề nghị TKV hỗ trợ giảm dần giá trị trên qua các thời kỳ cho phù hợp.

Công tác quản trị chi phí cần nâng cao, phát huy phần mềm quản trị chi phí giúp cho công tác kiểm soát được tốt hơn.

Công tác soát xét hồ sơ cần cẩn trọng hơn, đặc biệt các chứng từ hồ sơ được luân chuyển tại hiện trường sản xuất.

5. Các vấn đề khác theo quy định:

Kiểm soát một số nội dung kết quả của công tác kiểm toán nội bộ ban hành;

Kiểm soát tính trung thực và hợp pháp của báo cáo tài chính.

Có được kết quả đó, ngoài sự cố gắng của mỗi thành viên trong ban còn có sự ủng hộ của, hỗ trợ, động viên của ban lãnh đạo Công ty, sự cộng tác của các Cổ đông và các phòng ban quản lý trong Công ty. Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự phối kết hợp của các quý vị và hy vọng năm 2022 Ban kiểm soát Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của các quý vị để Ban hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Phòng CNTH (Đăng trên Website)
- Lưu VT

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương

Số: **09 / BC- ĐHCĐ**

Uông Bí, ngày 22 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội về việc nhận hồ sơ năng lực và lựa chọn một số Công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện Kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty như sau:

Thu nhận Hồ sơ năng lực:

Đến ngày 23 tháng 3 năm 2022 Ban kiểm soát nhận được số hồ sơ giới thiệu năng lực nhằm tham gia công tác kiểm toán tài chính tại Công ty năm 2022, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam; Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội.

- Công ty TNHH kiểm toán VACO; Địa chỉ số 319 tòa nhà tổng 63D, Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Nội dung kiểm toán: Soát xét báo cáo tài chính 06 tháng và Kiểm toán báo cáo tài năm 2022 của Công ty và một số lĩnh vực khác.

Ban kiểm soát xin đề xuất Đại hội lựa chọn Công ty kiểm toán sau:

Công ty TNHH PKF Việt Nam là một trong những công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho tổ chức kiểm toán độc lập và được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực kiểm toán năm 2022 tại Quyết định số 759/QĐ-UBCK ngày 19/11/2020. Đồng thời là công ty kiểm toán thực hiện nhiều năm báo cáo tài chính hợp nhất tại TKV.

Ban kiểm soát xét thấy Công ty TNHHPKF Việt Nam là đơn vị có đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty đảm bảo mọi quy định theo Nghị định số 17/2012/NĐ-CP của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật kiểm toán độc lập.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
